

nguyễn thị vinh

cõi tạm



VỀ PHƯƠNG ĐÔNG / NGUYỄN HỮU NHẬT NAUY 3. 2001

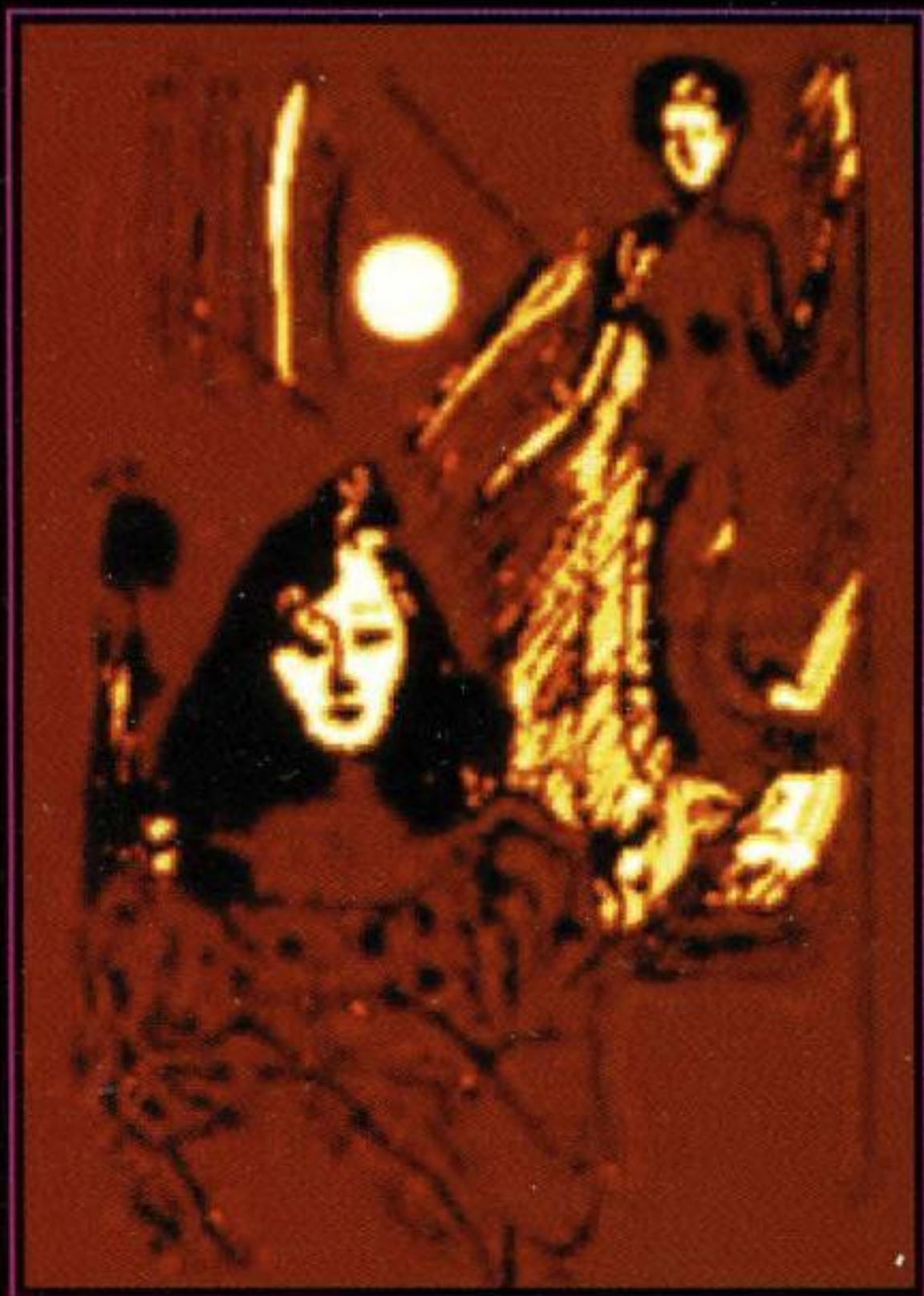
THƠ



ANH EM.

NHÀ XUẤT BẢN ANH EM/THƠ
nguyên thị vinh

cõi tạm



HAI CHỊ EM / TRUYỆN NGUYỄN THỊ VINH / NÉT
VẼ NGUYỄN GIA TRÍ / MÀU SƠN MÀI NHÌN '99.



Nguyễn Thị Vinh, người đã bắc
nhịp cầu giữa hai thế giới, đông
tây... Xóa đi những rào ngăn...

NHẬT BÁO AFTENPOSTEN NÀ UY / OSLO NGÀY
16 THÁNG 11 VÀ NGÀY 4 THÁNG 12 NĂM 1994.

NGUYỄN THỊ VINH

cõi tạm



CÔI TẠM / PHÁC THẢO MỤC TÀU / TRANH NGUYỄN HỮU NHẬT 2001.

THƠ  ANH EM



Nguyễn Thị Vinh

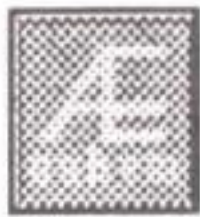
cõi tạm

ý thơ nào kết nụ
dưới ánh trăng quê nhà,
tình yêu nào nở hoa
quê người trong mưa tuyết?
xin trả lời: không biết
đâu quê người, quê nhà
trong khi tôi mãi viết
âm thầm như nụ hoa!



Phượng Giang Sài Gòn 1957.

NGUYỄN THỊ VINH
HELGESENS GATA 72
0563 OSLO
NORWAY
Tel: 47 22 38 28 53
nxbanhem@hotmail.com



Anh Em Sài Gòn / Gia Định 1970.

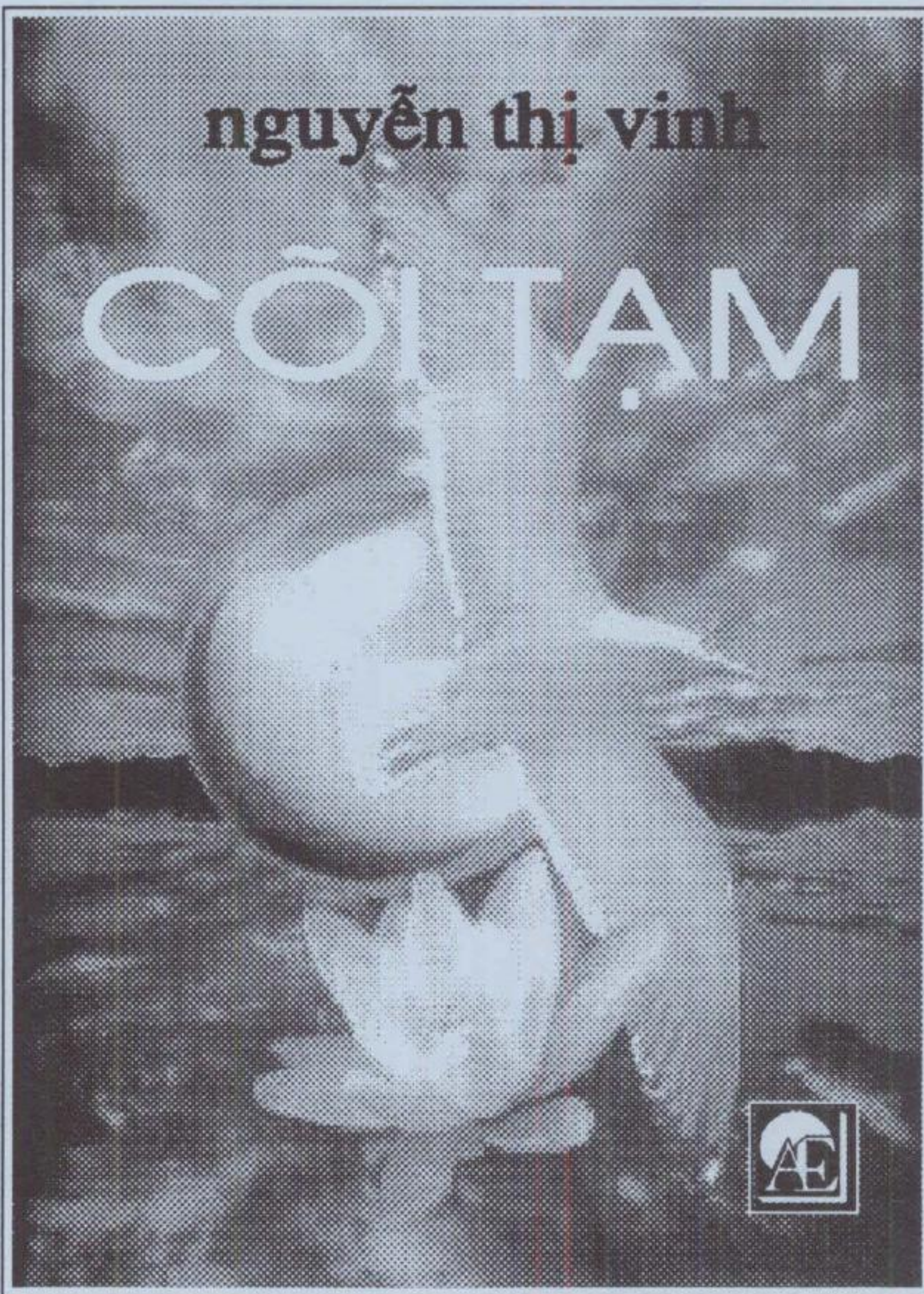
anhem01@frisurf.no
ISBN: 82-91587-18-3
Printed in Norway
Oslo Mars 2001
Copyright © by
Anh Em.



Anh Em Bergen / Oslo 1989.

nguyễn thị vinh

CỒI TẠM



Thay Lời Tựa

THƠ NGUYỄN THỊ VINH CÔI TẠM RIÊNG TÔI



NGUYỄN THỊ VINH SÀI GÒN 1970 /
BẢN VẼ CỦA NGUYỄN HỮU NHẬT.

Nghĩ về cuộc đời, trăm năm côi tạm, chẳng phải là ý tưởng mới lạ gì, nhưng mỗi người chúng ta có một cảm nhận riêng về côi tạm. Người đời xưa, người thời nay, trước sau lần lượt rời khỏi chốn này; nơi mà cho đến bây giờ, qua sự hiểu biết của con người về vũ trụ, vẫn chỉ thấy là chốn độc nhất có sự sống. Có suối nguồn, cây cỏ, cầm thú và con người. Trái đất, như một hạt cát trong vô lượng dải Ngân Hà đầy biển cát và trên hành tinh nhỏ bé này, đất nước ta chỉ là một dấu chấm than trên trang sách? Riêng nước Việt Nam mình cũng đã là một vườn địa đàng xanh tươi, rực rỡ ánh sáng đôi vầng nhật nguyệt, thánh thót tiếng chim, nồng nàn mùi hoa thơm. Trời cho con người sự sống và cho luôn cả cách sống. Rừng, biển, ruộng, vườn... Lúa ngô, khoai sắn, hoa trái bốn mùa. Trên tất cả vẫn là con người khôn ngoan, mạnh mẽ và tốt đẹp. Cuộc sống ở đâu và lúc nào cũng vô vàn miếng ăn, cái mặc, trời giúp cho con người no ấm. Sao trong côi tạm này,

chỉ mới trăm năm qua mà chúng ta gọi là thế kỷ Hai Mươi, đất nước ta trải từ thời phong kiến, thực dân, tới phát xít và cách mạng, song thời nào phần đông con người trong cõi tạm ấy đều sống khốn đốn và chết oan khuất như nhau? Thời phong kiến, đất nước và con người Việt Nam được coi như của riêng một giòng họ; giòng họ hầu như chỉ biết ăn trên, ngồi trốc, lo xây nơi chôn mình trước khi chết: “*Vạn Xuân là Vạn Xuân nào? Thành xây xương lính, hào đào máu dân*”. Thời thực dân, cái cõi tạm của chúng ta giống như cảnh rừng núi trong sở thú, mà vị chúa tể núi rừng đành phải “ngậm một khối căm hờn trong cũi sắt”. Thời phát xít, chỉ ba năm, từ 1942 tới 1945, khoảng hai triệu người chết đói vì quân Nhật bắt nhổ lúa, trồng đay, chạy xe lửa bằng thóc... Thời *cách mạng*, nhiều người chín chắn bảo rằng nó là cả ba thời kia gộp lại. Cũng xương lính, máu dân không hề tiếc; người dân cũng vẫn cắn răng, giăng con mắt mà nuốt lệ vào trong. Cái gì cũng cấm. Cấm cả sự tử tế và khôn ngoan! Kể từ năm 1945, tới nay 2001, 56 năm rồi mà nơi cõi tạm, Việt Nam thân yêu của chúng ta, cũng còn đang hốt hoảng mỗi lo: “Xóa đói, giảm nghèo”. Thử hỏi Trời hành người hay người hại người? Cõi tạm, với người bi quan, chỉ là quán đời, nơi những khách trọ đến trú chân rồi ra đi, vội vã sống cho qua ngày đau khổ, tạm bợ, trước khi vui mà trở về “cõi vĩnh hằng”. Cõi tạm, với người lạc quan, được đến trần gian này một lần, dù chỉ một lần thôi, cũng đã tột cùng hạnh phúc. Nơi con người được được thấy phép màu của

Trời Đất, thông qua tình thương của cha và tình yêu của mẹ, hết lòng nuôi mình mà không trông chờ gì ở một chút công đền, nợ trả. Nơi mà người thầy hay cô giáo, cầm tay ta dạy viết chữ O, vẽ một vòng tròn không chỗ hở; phải chăng đó dấu “khuyên son”, đó là vàng trắng, mặt trời? Những bậc thầy khai tâm, mở mắt cho bao thế hệ học trò lớn lên; và người thầy ở lại, già đi trong cô đơn mà lòng vẫn vui khi nghe tin học trò mình nên người. Nên người nhờ những câu: *“Nhiều điều phủ lấy giá gương... Bầu ơi thương lấy bí cùng... Ở đời muôn sự của chung...”* Nhất là cối tạm này, đất nước ta, không thuộc của riêng ai cả. Nó là của chung, thứ kho báu mà Tổ Tiên để lại cho con cháu. Người nhà Trần, không thấy được cái ý nghĩa của cối tạm, đang tay chôn sống tôn thất nhà Lý, mà sự bền vững của nhà Trần cũng chẳng được lâu. Nhà Lý, ý thức được sự tốt cùng của đời sống cối tạm, vua chúa đi ẩn tu, việc trị nước nhằm an dân tới hồi buông bỏ; đất nước loạn lạc, trăm họ đời dân cùng quẫn. Cho nên một người như tôi, không biết chi nhiều về kinh Dịch, cũng hiểu lời mờ: “Trong âm có dương và trong dương có âm”. Nơi vĩnh cửu có cái tạm thời hoặc ngược lại. Tôi cảm ơn sự soi sáng của nhiều nguồn tư tưởng, cho thấy: *“Không nên tính sự bền vững cho riêng ta trong bối cảnh chính thân ta không vững bền. Chỉ có sự nối tiếp đời này, qua đời kia, là chẳng hề giới hạn trong trăm năm.”* Muốn cái muôn đời ấy có được, ngay lúc này đây ở cối tạm, con người trên cả nước ta cần phải được ăn, học và vui chơi. Cối

người thiếu một trong ba điều ấy, chưa phải là cỗi sống. Lòng trang trọng với cuộc sống yên vui, của nhiều người, mới thật sự là an nhiên; dân tộc nương theo cái tạm thời mà thành ra đất nước trường sinh. Cách nay 12 thế kỷ, nhà thơ kiêm nhà giáo Đỗ Thu Nương đã viết bài tứ tuyệt Kim Lũ Y (Áo Tơ Vàng), trong đó có hai câu: “*Khuyến quân mặc tích kim lũ y. Khuyến quân tích phủ thiếu niên thì.*” tạm dịch là: “*Người đừng tiếc áo tơ vàng, mà nên tiếc lấy huy hoàng tuổi xuân.*” Áo tơ vàng đắt giá, vì đẹp và sang, nhưng mất đi còn có thể mua được. Tuổi trẻ thì không. Nhưng một thời dài ở nước ta, bao đời tuổi trẻ sống trong đói lạnh, sợ hãi hoặc bị ném mình vào trò chơi binh lửa cho các cuộc “thử làm lịch sử”. Thật đáng tiếc biết bao! Những người tuổi trẻ, thời Tây chiếm nước, chạy trốn sang Tàu, qua Nhật tìm đường cứu nước, mong ngày về... Rồi không bao giờ trở về nữa. Tuổi già nơi quê người, thật sự là “cỗi tạm trong cỗi tạm”, như hoàng tử Lý Long Tường nhà Lý từng chạy loạn sang Cao Ly, dựng Vọng Quốc Đài, lúc mất ngài vẫn mong quay mặt về phương Nam. Suốt trăm năm chống Pháp, biết bao nhiêu nhà yêu nước của ta, không chịu về nước vì còn các chính quyền thân Tây, theo Tàu, lụy Mỹ; nhớ quê nhà mà đành ở lại quê người cho tới chết. Cô đơn. Cùng với trăm năm cỗi tạm, bây giờ, dường như mỗi người biệt xứ còn có một cỗi tạm riêng. Tập sách nhỏ này, “cỗi tạm riêng tôi”, xin gửi tới quý bạn đọc lời cảm ơn đã châm chước cho thơ Cỗi Tạm. ✍

Nguyễn Thị Vinh.



CHÂN LEN CHÍ HÒA / TRANH CỦA NHÀ VĂN NHẤT LINH NGUYỄN TƯỜNG TAM.

những mái chùa xưa

Dù xa vẫn nhớ về xưa

Chút Tình gửi gió nhờ Thơ gieo vần...

1 chùa lảng

xưa tôi đi lễ chùa

chỉ cầu xin ông Bụt

thóc gạo đừng mất mùa

cho làng Giẽ khỏi đói*

bà tôi gần bảy chục

nhANH NHẸN bước chân chim

quanh năm lo lễ bái

giờ biết đâu mà tìm?

chỉ còn trong trí tưởng

những mái cong chùa xưa

ngọc xanh màu rêu biếc

cánh sen hương Đại Thừa

sao quên được chùa Láng
hội về đông thật đông
nghe Kinh mười phương Phật
mắt người nào cũng sáng

xưa thầy Từ Đạo Hạnh
dời Lý tu ở đây
dân làng rước kiệu Thánh
hương hoa trùng trùng vây

bừng ánh pháo thăng thiên
dánh đu và đánh vật
ngay trước cổng chùa Thiên
cũng là tên chùa Láng

bà mẹ ngài Đạo Hạnh,
được thờ nơi chùa Hoa,
rước kiệu Thánh sang đó.
tôn kính bậc mẹ cha:

*nhà sư đã thành Phật
vẫn nhớ công sinh ra
người mình như thế đó
dạo Cả tìm đâu xa?*

*cái sập vuông bằng đá
giữa sân chùa còn không?
dù không cũng vẫn nhớ
nơi tôi học vỡ lòng*

*bài đầu tiên bà dạy
“dời sắc sắc không không”*

*đứng ở trên lầu Chuông
tôi nhìn qua gác Khánh
lắng nghe tiếng khánh chuông
chen nhau lời xao xuyến*

*trên tường tranh Thập Điện,
kẻ vẽ cảnh Diêm Vương,
nhìn kẻ ác chịu tội
sao tôi vẫn thấy thương?*

2 chùa mía

*leo lên đôi đá ong
tôi vào lễ chùa Mía
nổi tiếng tỉnh Hà Đông
lạy tượng bà Thị Kính
ẵm đứa bé káu khỉnh
nổi oan vương mắt hiền
nhìn tôi như muốn nói:*

*“ngày nào con lớn lên
sẽ hiểu lời Phật dạy,
kẻ ác, cũng yêu thương!”
nhưng quê nhà đói khổ
làm sao lòng được yên?*

3 chùa sen

*tôi đi lễ chùa Sen
ở ngoại ô Hà Nội
ngay giữa rừng mai trắng
tháp mười tầng nổi lên*

*hình sáu cạnh đều đặn
dấu hiệu Lục Hòa Tăng
lòng mở ra sáu cõi
giúp đời từ miếng ăn...*

*ba hàng chín ngôi tháp
giữa mang tên Cứu Sinh
cuộc sống này phải cứu
không được phép làm thinh*

*tự nhủ tôi phải cứu
lấy chính cuộc đời mình
dừng dưng trước tội ác
là một cách sát sinh!*

4 chùa trăm gian

*nhớ về chùa Trăm Gian,
mỏi rời chân bà cháu,
vẫn tíu tít hỏi han:
“bà ơi bà nhà Phật
ai ở hết trăm gian?”*

*bà tôi cười bằng mắt:
“cha bố mày cháu ngoan
nứt mắt đã rần mắt
sau đời khó bình an!”*

*lâu Trống xưa vang dội
động tới vầng trăng lay
chắc giờ đây bụi bám
mặt trống trở nên dày*

*như mặt người không mỏng
tiếng Nói Thật tắt ngay!*

bà ơi, giờ cháu biết
nằm đất với ăn chay
khó đâu phải là dễ
nhưng chẳng bằng nói ngay

nói thật và nói hết
là ai đã thẳng tay
người Việt giết người Việt
là ai tim đã liệt
hết rung động tình người;
giai cấp nào tranh đấu
giữa thiện, ác muôn đời?

trăm gian chùa còn đó
bọc trứng người nay đâu
tình đồng bào ruột thịt
mỗi quả một trái sầu

thảm thay trăm quả trứng
trong bọc Mẹ Âu Cơ
giờ đây trứng chọi trứng
máu loang đỏ sắc cờ

ý nghĩa chùa Trăm Gian,
già đời tôi mới hiểu,
mỗi gian một giòng con
trăm họ Việt cùng ở

như chung giàn bầu, bí
khác giống vẫn yêu thương
đâu cổ tích hoang đường
việc lên rừng, xuống biển

ôm con đứng trên núi
hóa đá tình trăm năm
chờ chồng đi mở cõi
vợ một đời lạnh căm...

5 chùa hương

*ôi cánh rừng mơ chín
làm thơm cảnh chùa Hương
gây cho tôi mùi nhớ
động Thuyết Kinh vô thường*

*Giải Oan, một giòng biếc,
suối chảy ngược về Trời
nước mắt lại rơi xuống
hiếu ra Đạo cứu Đời*

*chim còn biết gõ mõ
cá cũng biết nghe Kinh
người phải hơn thế chứ
sống với nhau chí tình*

*đường lên trời ai biết
dắt nhau qua tử sinh
hãy hiểu ý câu kệ
đừng làm mất nghĩa Kinh*

*dù ngàn pho Kinh lớn
cũng chỉ một Nụ Cười
Hoa Sen và Ca Diếp
tuy hai mà một thôi*

*hương còn thơm chùa cũ
mong lại qua rừng Mơ
thả lá vàng xuống suối
làm chiếc thuyền chở Thơ.*

Bergen Na Uy 1990.

** Tác giả sinh tại 41 phố Bờ Hồ, Hà Nội; quê
nội: làng Giẽ (Thị trấn Đức Thượng), quê ngoại:
làng Chấn (Vân Hoàng) cùng tỉnh Hà Đông,
nay thuộc tỉnh Hà Tây. Chú thích của nhà A.*

thơ tôi

thơ tôi dù viết ngắn dài
trước sau cối tạm, trong ngoài dằng cay
dưới trên khốn khổ cảnh bày
bao người Việt sống lất lây xa gần.

vui buồn

buồn vui trọn kiếp, một lần,
vui buồn chốc lát, bao phần, lặng thinh
cối ồn động tiếng tim mình
đêm thao thức đợi, ngày kinh hoảng chờ.

cùng đất nước

nắng vàng nón lá bài thơ,
tứ thân vật áo bay nhờ gió lên,
mắt cười má núm đồng tiền
một quê mẹ đẹp ba Miền tình chung

có đâu làm mặt lạ lòng
dẫn do tình ý, ngại ngừng gặp nhau?

tình khúc

1 quê nhà

*tình Trung Nam Bắc
bấy lâu
gương buồn với nhiều,
nhiều sầu với gương;
trăng mờ
bởi khuất hơi sương
vì ai, nông nổi thảm thương,
dân mình?*

2 mộng dữ

*yêu nhau
giữ nụ cười xinh
thay cho nước mắt
cuộc tình lỡ xa,
gần nhau
ngày tỉnh biết là
bao đêm mộng dữ
thấy ta khác người.*

3 huyền thoại

Yêu ai bằng yêu người tình
Hận ai bằng hận người mình đã yêu.

buồn như huyền thoại
đầu đời
tâm xao xuyến nhớ,
thân rời rã đau
càng xa, càng gần lại nhau
lựa nhả áo mỏng,
tơ nhàu giấy vo?

4 giọt vỡ

tình nào
chẳng nhận với cho
chỉ nhiều hay ít
nỗi lo mất người,
vốc tay hứng nước
trời ơi,
trôi qua kẽ hở
giọt rơi vỡ thắm.

5 men say

*Việt Nam,
ngân tiếng đàn cầm
lạc tay vuốt phím,
nghe lầm nhịp sai,
người nơi xa đó
nhớ hoài
men say ướp tiếng thở dài
cạnh ta.*

6 tình xanh

*tình xanh nước biển
mặn mà
lộc non cảnh mộng,
gừng già chất cay;
mây bay
hay mái tóc bay
đêm với lá khếp,
ngày đầy nụ tươi.*

7 cơn nguội

vàng hoa cơn-nguội
nhớ người
khuya sương thu rụng,
sáng trời lệ gieo
em về
anh muốn đi theo
viên trăng non chớm
cuối chiều áo nhung.

8 giọt đắng

cà phê giọt đắng
lạnh lòng
trao tay rét buốt,
ngỏ lòng nâng ly
Sài Sòn tiếc mãi người đi
ve sầu tiếng mãi,
khóe mi ngán vòng.

9 hà nội ời

Hà Nội ời,
nỗi chờ mong
người xa, lòng vẫn vời trông
mỗi ngày,
kẻ ở
thăm nuốt đắng cay
người đi
nhớ dáng ai gầy
phố xưa.

10 chiều mưa

dan tay ngồi ngóng
chiều mưa
ngoài song cửa
bóng lá thưa khoảng trời...
tháng Bảy*
mưa vẫn còn rơi,
cuối sông ra biển
nhớ nơi đầu nguồn.

* Sinh nhật tác giả:
15.07.24.

11 hồn tôi ơi

tình xa
mất nửa phần hồn
phần còn lại
vốn nhiều buồn ít vui
người tôi yêu, yêu tôi ơi
tay buông khép mắt,
môi cười cắn răng.

12 sao sáng

may mà
những đêm không trăng
còn sao ngồi sáng,
dèn giăng cuối trời
vẫn in lên vách bóng người
ngồi chờ...
ngày rạng
hết thời trẻ trung.

13 tự hỏi

*khởi đầu
là chỗ tận cùng,
biết đâu là chốn
thủy chung đất trời?
luân hồi
xoay chuyển dòng đời
như vòng găng bó
xong rồi rã xa!*

14 thực mộng

*nơi tin yêu
đã nhạt nhòa
mặt trời không mọc,
người ta lạnh lùng,
bạn bè
mòn dạn thủy chung
thực như mộng ảo
tận cùng nỗi riêng?*

15 huế ơi

Huế ơi,
ngọn lửa tình thiêng,
soi trong trí tưởng
mạn thuyền nước trôi,
sông đau
mang đất phìên bồi
dấp nên bờ mộng
từ hồi biết yêu.

16 sầu đông

sầu đông
thay lá sớm chiều
bao nhiêu chiếc rụng,
bấy nhiêu chiếc buồn,
sóng sông
tung tiếng vọng nguồn
người nơi đất khách
hoàng hôn nhớ nhà.

17 mưa nghiêng

*mây bay
mỗi lúc một xa
người tình
vừa đó đã là cố nhân
vẫy tay
dưa tiễn một lần
mưa nghiêng trút lá,
gió vùn nát hoa.*

18 nhớ ra

*đêm ngồi bó gối
nhớ ra
trước đây mình có người ta
ở gần
trời làm cho đất xoay vần
trăm năm bển tiếng,
một lần nhớ hơi.*

19 sài gòn ời

Sài Gòn,
nghiêng cánh chim trời
hình riêng bóng nước
vẫn rời ảnh chung
tình xa
người khổ vô cùng
thua hè với phố
thủy chung sống gần.

20 sóng tràn

thương nhau
nhớ mãi vai trần
nước trong hạt ẩm,
lệ dần giọt tan
dạt dào cồn cát
sóng tràn,
gió vờn tóc rối,
đêm tàn bước chia.

21 tiếng chuông

*nằm nghe
chạm tiếng chuông khuya
lòng phơi nổi lạnh,
tình lìa giấc say;
hơi người ấm
tỏa vòng tay
rèm thưa nhẹ khép,
gió lay cánh màn.*

22 mùa phai

*cành trơ
lá rụng thu tàn
cát se bờ lạnh,
bãi ngàn dâu xanh,
mùa phai
cỏ biếc úa nhanh
tình em hoa tím
lòng anh cổng trường*

23 *thương hoài*

*ý tình người Việt
dễ thương
đi đâu cũng nhớ quê hương
của mình
từ bờ tre tới mái đình
đến câu hát đố
trữ tình gái trai.*

24 *xuống thuyền*

*xuống thuyền,
khóc,
cảnh mờ phai,
thời gian như thể
đã dài thêm ra
chậm mấy
rời cũng rời xa
chia tay chỉ muốn về nhà
với nhau!*

25 cây sung

Tôi muốn về thăm Hốc Môn
xem vườn nhà cũ có còn cây sung
Hay là sau cảnh bão bùng
cỏ hoa cũng chịu tận cùng đớn đau?*

** Cây sung trong vườn nhà cũ
của NHN và NTV, từ năm 1972 tới 1975.*

*cây sung vườn cũ
đổi màu
vàng hơi thu lạnh
nát nhàu lá khô
áo bay ngọn gió xuân lùa
ra trầm tiếng nhạc,
ra mùa dầm hương...*

26 lạc bước

*chân lấm, lạc bước,
sai đường
tình yêu xa dễ
người thương khó gần
vàng phai
son cũng nhạt dần
trăm năm nhớ
thuở một lần trao tay.*

27 mưa

Sài Gòn,
Hà Nội,
Huế say
gọi nhau khuất bóng,
dền lay ngọn buồn
mưa, trời ơi,
nước mắt tuôn
ngoài tươi trong héo
quắt hồn sâu đông.

28 hạt sương sa

quên đi nhớ lại
khôn cùng,
xoáy trong cơn lốc,
cố vùng thoát ra,
lưới vây
tự mình giăng ra
xòe tay gom
hạt sương sa
khó cầm.

29 hạc lan

*cười ròn rã,
khóc ngấm ngấm
đường bay bạch hạc
hướng lâm trần gian
mùi hương thơm
vẫn dâng tràn,
với lòng trong trắng
ngọc lan giữ màu.*

30 sâu khơi

*Việt Nam,
chúi xuống đời đau
vết thương khơi rộng,
chất sâu nặng vai
hình mình
hay chính bóng ai
gom hơi thở ngắn
thành dài trong thơ?*

31 *sóng u minh*

hai phương
chung một bài từ
tình riêng đếm vội
thiếu, dư đời mình,
bơi trên dòng
thơ trữ tình
nhận chìm dưới sóng
u minh
vỗ bờ...

32 *tội chi*

mất, còn
ngăn cách đôi bờ
nhỏ hơn kẽ tóc,
chân tơ nghĩa gì
Hà Nội sớm tỉnh ra đi
Sài Gòn với Huế
tội chi
hỡi Trời?

33 viết tạ

*lòng quen trang trọng
với đời
người làm thơ
tạ lỗi người đọc thơ
văn chương
có lúc ngó ngơ
lẽ nào viết
để hững hờ
cho qua?*

34 như hoa

*thơ tình
hương sắc như hoa
trong người-ta,
có cả ta lẫn người,
chưa rung động
được đất trời
cũng xin truyền cảm
bằng lời trái tim*

35 cô đọng

*lời trùng lắp,
ý tình chìm
mười bài viết,
nên lặng im
chín bài:
nét cô đọng
của truyện dài
chính là truyện ngắn
chứa vài ý thơ;
người
viết truyện ngắn
ước mơ
sao thu nhỏ lại
thành thơ
trữ tình.*

36 việt nam

*Việt Nam,
nụ cười tươi xinh,
dấu trong vành nón
quê mình
ngày xưa
dàn buông
láy nhịp âm thừa,
cao tay
phím chuột,
nhạc vừa độ rung
tận ngoài
ngân suốt
trong cùng
mới dầu nước chảy,
sau cùng mây bay./.*

nhà Phật

l tạ ơn

*xin tạ ơn nhà Phật
cho tôi hiểu kiếp người,
bao cuộc đời khốn khó,
sống không một nụ cười*

*niềm đau thương se sắt
giấu trong nước mắt rơi*

*xin tạ ơn nhà Phật
đã cho tôi biết nghe
tiếng trẻ thơ đói lạnh
nằm khóc bên vỉa hè*

*hạt mới nảy mầm xanh
đã khô dần hết nhựa
tìm đâu ra đất lành
cây đơm hoa, kết trái?*

*xin tạ ơn nhà Phật
cho tôi thấy cái nhìn,
tâm Phật, một niềm tin
về tình người có thật*

*dạy cho tôi biết yêu,
sống nhường cơm, xẻ áo,
chính mình bớt cô liêu
nuông dựa đời mà sống*

*như ao sen mùa hạ
bông nào cũng nở hoa
mùi hương bay theo gió
đến với người gần, xa*

*vẫn dẫu dây động lại
tình yêu thương đậm đà...*

2 nguồn sáng

xin tạ ơn nhà Phật
cho tôi sớm nhìn ra
chúng sinh là bè bạn,
hoặc như con một nhà,

từ lá cây, ngọn cỏ
tới cái kiến, con sâu
sự sống dù ở đâu
của loài nào cũng quý,

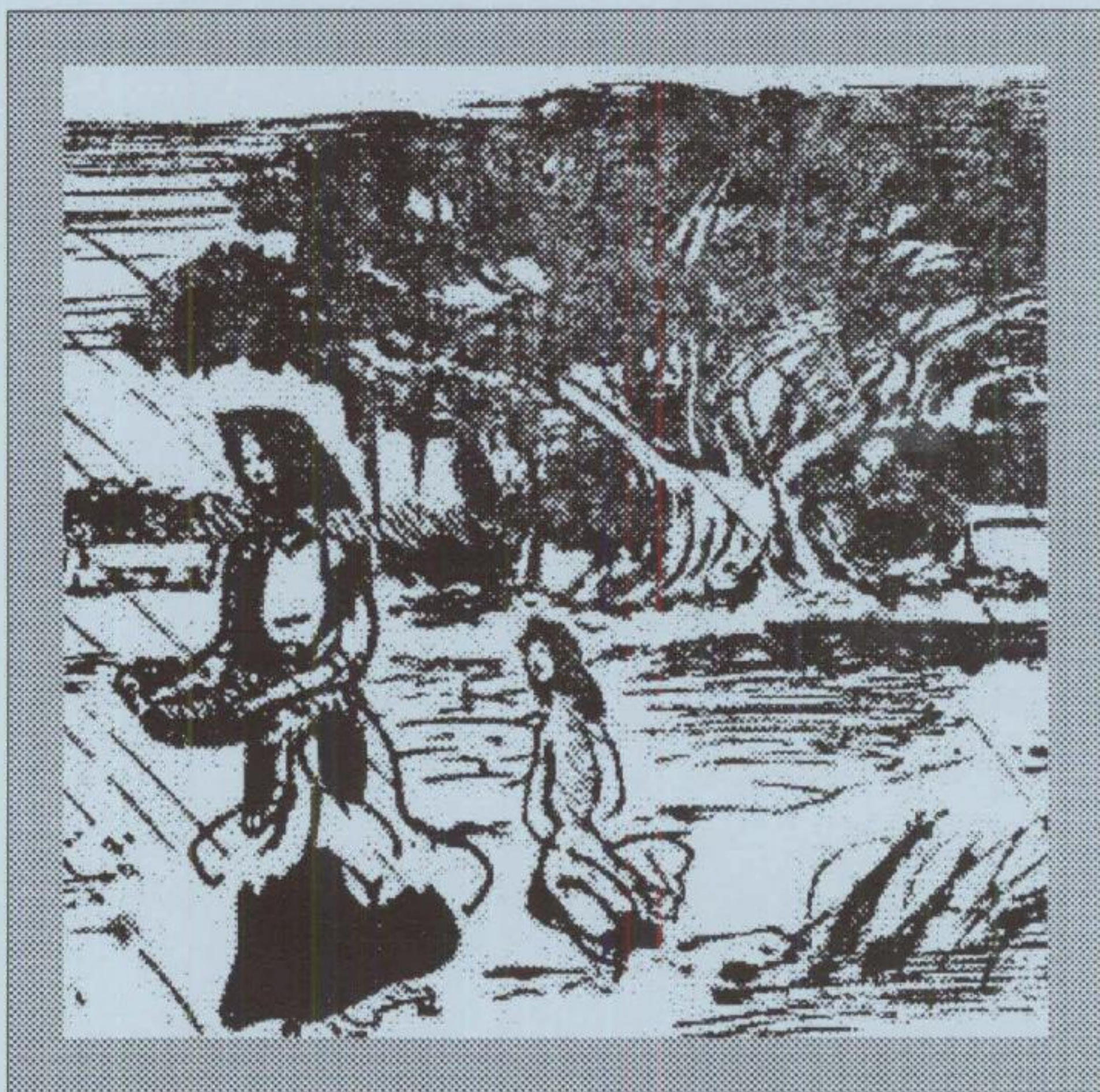
cá chép quẫy dưới nước
bướm lượn trên cỏ hoa
vườn bưởi tỏa bóng mát
e ấp dáng nụ cà,

cánh đồng tươi lúa biếc
bờ vui chân trẻ thơ
no ấm đang chạy nhảy,
bông lau thành ngọn cờ

*xin tạ ơn nhà Phật
cho tôi nguồn sáng soi
chiếu vào lòng tăm tối
xóa dần bao nhỏ nòi,*

*một nụ cười thơ trẻ
đẹp hơn cả mùa hoa,
mỗi con người vô chấp
cánh sen kết nên tòa,*

*cơn gió cuồng thổi lạc
cánh sen rơi về đâu
trên giòng đời cuốn hút
tình riêng lẻ cõi sâu?*



VỀ QUÊ NGOẠI / TRANH CỦA NGUYỄN GIA TRÍ MINH HỌA TẬP TRUYỆN HAI CHỊ EM.

3 kết thân

xin tạ ơn nhà Phật
cho tôi tới được gần
những người ngỗ xa lạ,
trong tình yêu kết thân,

bừng reo ngọn đuốc sáng,
từ que diêm lửa nhen,
bóng tối lòng chia biệt
cũng chỉ là thói quen,

trái đất còn quay mãi
chẳng có gì đứng yên
chưa sinh ra đã chết:
“lòng ta, cõi đảo điên!”

nếu như tình chồng, vợ
lòng yêu mến cha, con
anh, em chẳng sắt son
xa lánh dần bè bạn...

*xin tạ ơn nhà Phật,
cho tôi đã nhìn ra
Phật tính ở gần, xa
trước, sau tôi, còn mãi*

*bao người sống chân thật
ủ thơm mãi tâm hồn
tự nhiên như hoa nở,
khiến cuộc đời đẹp hơn,*

*dẫu không ai niệm Phật
Phật tính vẫn tràn đầy,
trong mỗi lời kinh ngọc
tạ ơn Trời hàng ngày,*

*nhẹ lòng như ăn chay,
nén tâm hương cúng Phật
xin hãy rộng vòng tay
đón nhau tình mở hội.*

con đường thương khó

*hồn ai nghe chuông gọi,
vòng hoa gai, nổi đau
dấu đinh trên Thánh giá
nhắc người ta giúp nhau*

*Chúa vĩnh hằng thương xót
cuộc đời này khổ đau
máu tươi dòng giã chảy,
cứu người cả mai sau*

*Ngài ban cho đôi dũa,
Bác Ái và Công Bình,
trước hết phải thật tình
coi nhau như bè bạn,*

*trên bàn tiệc nhân sinh
gắp miếng ngon hạnh phúc,
anh chị em vị tình,
chia nhau cùng no ấm,*

*như cảnh nho chung gốc
chẳng thể chỉ một nhành
nhận riêng phần nhựa sống
còn bỏ mặc chung quanh,*

*tôi vẫn tin có Chúa,
như tim trong ngực mình,
sống cùng bao người khác
biết yêu nên có tình...*

*“hãy tra gương vào vỏ,
chết kẻ nào dùng gương!”
chữ nghĩa kể từ đó
biến thành hoa huệ thơm*

*ôi con đường thương khó
gai sớm nở thành hoa
nhờ sống theo lời Chúa
con người đáng ngợi ca.*

nhân văn

cho dù bậc thầy lớn
đức thánh Khổng mất đi
tình vẫn còn sáng mãi
tấm lòng nhân uy nghi,

nhắc người yêu cha mẹ,
thương lấy anh chị em,
tôn kính bậc thầy dạy
tình trong ấm, ngoài êm

“thứ gì mình không muốn
đừng làm cho người ta!”
trang trọng đời như vậy,
ánh sáng tất chan hòa,

con người hơn cây cỏ,
nhìn mây vươn cao xa
vẫn cúi đầu xuống thấp
xem lại từng bông hoa,

*Lòng Nhân là Quả Phúc,
dù gió táp, mưa sa,
hương thơm như việc tốt
lan ra khắp mọi nhà,*

*giúp người khỏi tối tăm,
mở nhiều trường dạy học
mới hiểu được ý nghĩa
gang tấc mà trăm năm,*

*như ao sen mùa hạ
một vòng sóng nhỏ lan
ra nhiều vòng lớn khác,
rồi tất cả cùng tan...*

*chẳng thể vui mà sống
cùng với lòng hờn căm
sao nhìn ra được bóng
trong gương đời tối sầm*

không nhân văn thử hỏi
làm sao có văn nhân,
ai chép lời vàng ngọc
dời gọi là thánh nhân?

kiêm ái, người yêu hết,
không chữa một ai ra,
nhân ái như thầy Mặc,
dời sống bớt xót xa

để những gì chân thật,
sớm trở thành ý thơ
mặt trời nhân văn mọc
xóa tan màn sương mờ

dòng sông tư tưởng chảy,
sách vở chiếc bè qua
văn chương bờ bến rộng
trời đất tình người ta.

ánh mắt

*sách vở nào chỉ rõ,
cho tôi biết nẻo về,
cõi ngàn năm mây trắng
ở giữa khoảng tình, mê,*

*một nụ cười mỉm miệng,
lúc dâng hoa lặng thinh,
tìm ra được chính mình
sau bao năm xa cách,*

*tìm lại được bè bạn
cùng các anh chị em
mà bấy lâu tưởng mất
như thoáng bóng sau rèm*

*biết cho nên không mất,
những ánh mắt thiết tha,
tôi trở nên giàu có,
tình yêu rất thật thà,*

dời ai quen hào phóng
mới thật sự tự do
(giữa hai bờ sinh, tử
về đâu, ai biết cho?)

đón nhận nụ cười mỉm,
phải trao bông hoa sen
làm ngọn đèn soi sáng
thắp lòng người bình yên

tia nắng chiều mà đẹp
y như ngọc lưu ly,
sau một ngày rọi sáng
rời trần gian, quên đi!

gặp lại mình trôi dạt,
trong tình người ao sen
nhánh rong mơn, cỏ hèn,
ánh tươi màu xuân biếc.

Na Uy, Oslo
ngày 22 tháng 6 năm 1997.

thư nhà

LÀNG XƯA NGƯỜI CŨ NHÀ ĐÁU MẤT
NƯỚC LẠ CHÂN XA TÌNH CÒN ĐÂY!

*“người xưa tóc bạc về làng cũ
gặp trẻ đầu xanh hỏi: tìm ai?”
xa nhà từ thuở còn thơ trẻ,
nay vẫn chưa về, tóc đã phai!*

*thời trước, “thấy ai từ quê đến
vội hỏi thăm nhà, về cội mai
có còn nở rộ ngoài song cửa”
như thuở ra đi áo chưa dài?*

*giờ đây muốn biết vườn chuối nhỏ
nơi phía sau nhà rách hết chưa,
trước làn gió lạnh như tình lỡ,
biết gặp ai về lúc tạnh mưa?*

*khi đang cười lớn, sao nghe rõ
 được tiếng đời đau chỉ thở dài
 điều gì được nói bằng con mắt
 chẳng thể nào nghe nổi nhờ tai*

*mắt là ống kính, nhìn đâu thấy
 sau tấm ảnh kia chụp cảnh đào
 bàn tay người bán khô như củ
 tiếp với màu cây vỏ xanh sao!*

*dành đọc thư nhà cho đỡ nhớ,
 ý ngoài lời nói, hiểu ngay ra
 là bao cảnh khổ chìm trong chữ
 viết thật tình nên rất xót xa!*

*chữ in trên giấy, lòng in lại,
 tái bản hồn thơ mình cho ai,
 thư nhà viết vội nhòe trang giấy
 bùng cháy lòng tôi ở nước ngoài...*

* Dựa ý bài Hồi Hương Ngẫu Thư của Hạ Tri Chương (659-744): “Thiếu tiểu ly gia, lão đại hồi... Tiểu vấn khách tòng hà xứ lai.”

** Dựa ý Tập Thi của Vương Duy (699-744): “Quân tự cố hương lai. Ứng tri cố hương sự. Lai nhật ỷ song tiền. Hàn mai trước hoa vị.”

đôi mắt

(Giả tác giả tập Thơ Hoa Sen.)

điều tôi đọc được trong đôi mắt,
anh một đời riêng nỗi nhớ thương,
mẹ già tia nắng chiều xế bóng
trên bậc hiên nhà chìm dấu sương

bếp tàn lụn khói xanh hiu hắt
thổi lửa cho tình thêm nhớ con
người đi nước mắt sau tay vẫy
hoa chuối vườn xa nhòe dấu son

bố đứng trông theo bờ đất hút
mắt tắm hình bóng ngọn dừa xiêu
xòe ra như quạt che tia nắng
sông ngửa lên trời mặt dăm chiêu

biết trước ngày về không gặp mẹ
anh thà sống chết chẳng đi xa
gào vang tiếng sóng sông bờ vỡ
ra biển dòng trôi nước mắt nhòa

điều tôi đọc được trong đôi mắt,
anh sống qua ngày nhưng tính năm
mỗi độ hoa xuân, bông tuyết rụng,
tay mỏi, nhìn ra cửa, chống cằm

tháng lun dần tàn như tuổi trẻ
vẫn nhủ lòng thôi chờ đợi trông
ở đâu cũng chẳng nhà ta thật
năm hết, ai ngờ ngọn gió đông...

thổi từ trong dạ buồn lay lắt
sương cánh đồng trắng sắc lụa phai
hoa bắp tím hồng cờ trở ngọn
bắt chước tay người lúc vẫy ai

điều tôi đọc được trong đôi mắt,
anh vui chia hai, buồn nhân đôi,
nhà cũ muốn về chưa về được
mà hồn đất mới nhớ khôn nguôi...

tự đọc thơ mình

*trong thơ tôi có khói
hồ Tây buổi sớm mai
lúc mùa thu Hà Nội
còn ngái ngủ mắt ai*

*trong thơ tôi có sương
ù vào toa tàu điện
hồ Gươm thành hồ Gương
bóng tháp Rùa ẩn hiện*

*trong thơ tôi có hoa
đào Nhật Tân giá rét
nụ hồng chỉ nở ra
khi tay ngà ve vuốt*

*trong thơ tôi có... thơ
tình yêu, thời mới lớn
và tình yêu bây giờ,
sống mãi cùng hồi ức*

trong thơ tôi có... ai
từng sống với Hà Nội
đi xa hay ở lại
nỗi nhớ vẫn không hai

trong thơ tôi có buồn
một Hà Nội thứ hai
loạn lạc dân tứ xứ
năm Cửa Ô thở dài

trong thơ tôi có vui,
chính từ nỗi buồn ngủi,
tấm lòng hoa sen nở
thơm tới tận quê người

trong thơ tôi không có
cái nhiệm màu chân kinh
ngân hồi chuông, lời kệ
thuở đời chưa có mình?

tuệ mai

*cuối thế kỷ Hai Mươi
ánh sáng bừng thơ Việt,
mặt trời lên rạng ngời,
hoa Mai vàng trí Tuệ.*

*sao mai **

*bạn đi trước, lìa xa cõi tạm
tôi còn đây, trả nốt nợ đời
rời ra thơ lại nối lời
gặp nhau ta ở cõi trời sao mai...*

**NTV viết vội, đặt trên quan tài Tuệ Mai trước
khi hỏa táng, SG năm 1982. Tuệ Mai Trần Thị
Gia Minh bút hiệu Tuệ Mai Trần Gia, nhà thơ
lớn, ái nữ của nhà thơ Á Nam Trần Tuấn Khải.*

hoa viễn xứ

Thương nhớ Quỳ Hương.

*Hoa Viễn Xứ,
Hoa Tâm Tư
Hai Mối Tình
với Gió Mưa Sài Gòn
Tàn Ngọc,
Tiếng Không Gian Buồn
Văn Nhân Tà Áo
tâm hồn Tình Trăng*
người di thoáng ánh sao băng
mà lòng để lại
cả vầng nguyệt soi
mỗi trang sách,
một trang đời
tám gương nhân ái,
nụ cười an nhiên.*

** Chữ viết hoa: Tên một số tác phẩm đã xuất bản của nữ sĩ Quỳ Hương. Văn Nhân Tà Áo (Nguyên tác: Tà Áo Văn Nhân.)*

bạn vẫn

*Mai Thảo giờ ở đâu
ngồi lặng lẽ trên lầu
cạn chén cùng bè bạn
cho tan cuộc chung sầu*

*mọi người ra về hết
một mình có đối bóng
nghe bước chân thời gian
ngừng lại ở mặt bàn
trên từng trang sách mở*

*Mai Thảo giờ ở đâu
Đêm Giã Từ Hà Nội
hoa sữa rụng trắng đầu
đứng ôm chồng bản thảo*

*chứa cả năm Cửa Ô
hướng về Hồ Gươm biếc
sách vở thời dạt xô
người hóa thành sương khói*

Mai Thảo giờ ở đâu
sớm chiều Phạm Ngũ Lão*
ngồi sữa trang in dấu
bản võ rất mặt chữ

nghĩa chìm đáy chiều sâu
bật dậy sức Sáng Tạo**
Vấn Đề** phải bền lâu
như niềm tin thấp sáng

Mai Thảo giờ ở đâu
bữa cơm chiều Chợ Cũ ***
mưa rơi trên mái lâu
khó phân biệt hình, bóng

một người ngồi độc ẩm
giữa đám đông nói, cười
khóc than cùng thời thế
buổi loạn lạc đời đời

*Mai Thảo giờ ở đâu
sống chui nơi nhà bạn
chạy trốn giữa đêm thâu
thời mất mùa chữ nghĩa
nhà văn ngủ dầu cầu*

*ngồi ăn nơi xó chợ
đời chẳng biết về đâu
càng lặng im như chết,
ngẩng mặt, không cúi đầu!*

*Mai Thảo giờ ở đâu
trên thuyền ra cửa biển
bãi khuya sóng dập dầu
tung cao làn sóng bạc*

*nghìn trang sách đã viết
không một lời thở than
chỉ như sợi dây đàn
dầu đứt còn ngân mãi...*

*Mai Thảo giờ ở đâu
mở lòng vui trang giấy
bạn bè khắp năm châu
đường vẫn đang trò chuyện*

*với một người còn sống
sống mãi cùng thời gian
vừa ngừng ở bàn viết
những cảm tình chứa chan...*

Na Uy Oslo 1.1998.

** Tên đường ở Sài Gòn*

*** Tên hai tạp chí văn nghệ do nhà văn*

Mai Thảo Nguyễn Đăng Quý chăm sóc.

**** Ở Sài Gòn.*

thắp hương

nén hương, gửi người đi tù
rồi không về nữa, khói mù mắt cay
thắp lên xin chấp hai tay
cầu cho người ở đời này sống yên*

nén hương, gửi người đi thuyền
rồi không về nữa, khói huyền sóng lay
thắp lên xin chấp hai tay
cầu cho hồn thoát cõi này khổ đau.*

* Tù nhân chính trị.

** Thuyền nhân ty nạn.

tạ tội

*với người hôm nay, mai sau,
hôm qua chẳng nói với nhau một lời
là người phải học làm người
sống chung là cách muôn đời sống vui.*



TIẾNG SÁO / TRANH NHẤT LINH / SƯU TẬP CỦA BẠCH LIÊN TRƯỞNG KIM ANH.

nguồn sáng *

Kính tặng Ni sư Thích nữ Liễu Nhiên.

1 nhục thân

ngày nào
xuân mới chớm nồng
đã trong chớp mắt
cánh hồng sắc phai,
hình ngay
bóng vẫn đổ dài
bởi nguồn sáng rọi
lệch vai gánh gồng
vẫn đời
lạnh buổi chiều đông
một mình bến quạnh
chờ không thấy dò,
lòng hơi chút lửa tàn tro
thổi than cháy nhỏ
thành to ngọn bùng;
biết ai hiểu rõ
mà cùng...
khóc riêng thầm chịu,
cười chung góp vờ,

ngoài cơm áo
chỉ còn thơ
nuôi người
đêm đến
ngồi chờ
sáng ra.

bụi trần,
sen trắng nở hoa,
sáng trong bóng tối,
tâm là trời sao...

2 y bát

ơn Trời
tuổi hạc cho cao
mấy ai được thế,
người nào bằng chưa:
cơm thường lưng chén
muối dưa
hương thơm mùi dáo,
chuông dưa tiếng vàng

hoa Vô ưu,
khói Chiên đàn
lời kinh Bát nhã,
áo vàng Hoa sen
giải thoát y,
giải thoát phiến,
áo thay hai bộ
mặc quen nhẹ người

chắp tay
Cứu độ cuộc đời
lòng thành thấu đất,
hiếu trời ý vui
mười phương
tóm lại một lời:
có không, không có,
có thời cũng không.

mây năm sắc
hiện cầu vồng,
cũng hơi khói tụ
cũng vòng mù sa.

3 huyền mộng

*nhà Phật
gọi là Cuồng hoa
những gì Ảo mộng
nhìn qua mắt trần,
xa rồi
vẫn tưởng còn gần
lòng in đậm bóng
trăng xuân sớm tàn;
giấc mộng tỉnh,
cơn mơ tan
tâm Hư vọng đó,
Niết bàn tìm đâu,
người về
đứng lặng trên cầu
nhìn hình bóng vờ
cúi đầu nhận ra
chính mình
là cánh bèo sa
theo giòng nước cuốn
nở hoa tím buồn.*

4 liễu ngộ

cối Diệu pháp,
tâm Nhập môn
men giòng Liễu ngộ,
nương nguồn An nhiên
trời của Phật,
đất của Tiên
cửa không cánh cửa
nhà Thiền khó qua
lòng của người,
hương của hoa
bước chân thành thật,
vào ra dễ dàng;
nghe kinh Ngọc,
mở lời Vàng
tự nhiên hiểu đạo
muộn màng hơn không

*dêm hôm trước
mới mùa đông
sáng ngày sau
đã xuân hồng nở hoa,
tình thương
trải khắp gần xa
như cánh mai trắng
trước nhà dơn bông.*

5 an nhiên

*những gì có
hóa ra không
không lại là có
mà lòng chẳng hay,
từ ngày đó
tới hôm nay
nhẹ đời y bát,
phủi tay thảnh thơi*

ngọc mài
sáng suốt tu tâm
lìa nơi bùn cũ,
cát lằm chồn xưa,
hoa sen
thơm cõi Phật thừa
cứu đời hạt muối,
cộng đưa nuôi người

cảm ơn đất,
tạ ơn trời
nhớ ơn người
dã vì đời cứu nhau;
biết ơn chính mình,
nhiệm màu,
vẫn cười
với nỗi khổ đau
của mình.

về mái hiên người

*đêm xuân gầy gầy lạnh
mưa xuân thấm thịt da
em bé gái ngồi khóc
nhớ Tết, nhớ mẹ cha*

*nay mình em vờ vật
tuổi thơ không mái nhà
hiên người sống lê la
bụng đói, khóc thổn thức
chìm trong tiếng rao quà*

*phập phồng cánh mũi nhỏ
tóc xơ xác cổ khô
áo quần rách tơi tả
mắt nai tròn lệ nhòa...*

*một hôm, mẹ em khóc,
cha bị đẩy đi xa,
tiếp đến, rõ kinh hoàng...
mẹ con em mất nhà*

tuổi thơ không nhớ nổi
vì sao mẹ em chết,
vì sao cha đi dầy,
vì sao em ở đây
ngày xin ăn hè phố
đêm ngủ mái hiên người
hai hôm nay em sốt
nên ăn xin khó khăn
dành thu mình bé nhỏ
một thân thể lạc loài
dưới ánh đèn vàng uá

nhà ai treo cờ đỏ
bóng đỏ xuống hè đường
lấp lánh trên thân bé,
đùa rỡ nổi đau thương,
tấm bích chương trên tường
“Năm Thiếu Nhi Quốc Tế”
vẽ em bé dễ thương
ôm bó hoa hồng nở.

*mong được
bát cơm đầy*

*mặt trời còn chưa tỏ
sương sớm ngấm thịt da
vội vã ra khỏi nhà
mắt cay đòi giấc ngủ*

*lang thang trên hè phố
thi gan với nắng mưa
áo sờn vai sút chỉ
quần bạc màu nước đưa*

*tay ôm ổ bánh dày
lòng rưng rưng khó tả
chắc là tại ế đây
buồn chi mà buồn lạ*

*chí lớn trâu gặm lại
trong ổ bánh hôm nay
làm sao cho bán hết
để được bát cơm đầy.*

Sài Gòn 1975-1980.

thơ gửi các cháu

*này các cháu tôi ơi
các cháu là đề tài
cho nguồn thơ tôi dấy
các cháu là sự sống
tiếp nối đời tôi đây*

*ôi các cháu thơ ngây
như nụ hoa chớm nở
như suối nguồn rục rở
trên đất nước trăm hoa*

*đất nước Việt Nam ta
muôn vàn loài hoa quý
muôn vạn loài chim khôn!
người người cùng gìn giữ
cho hoa nở thật đều
cho chim hát thật kêu*

*cho núi đồi cao ngạo
cho đồng ruộng tươi màu
cho nhà nhà no ấm
cho người người thương nhau*

*các cháu nên nhớ câu:
“một con ngựa đau
cả tàu không ăn cỏ”,
dời người dân sáng tỏ
vận nước rạng ngời thêm?*

giàu nghèo

*dân khổ vì nước mình nghèo,
ách Trời dẫu bắt mang eo mấy đời!
tiền rừng, bạc biển dân vơi,
làm giàu cho một bọn người ác gian?*

chờ, đợi, mong

*đêm chờ trời sáng ngày mai,
hôm nay tôi biết đợi ai một lòng...
vì nước đổi đục ra trong,
hôm qua, hôm nọ, chờ mong hôm nào?*

phố bờ hồ & cầu gỗ

(Giả Người Hà Nội.)

phố Bờ Hồ, mẹ sinh tôi
cưu mang từ thuở nằm nôi, tay **bồng**;
mặt sau Cầu Gỗ ăn thông,
tôi đi chân đất tưởng rồng bay **lên**

Thăng Long chẳng thời nào yên
sông Hồng nước lũ mùa diên chảy **cuồng**
tuổi thơ, như cánh lá buông,
về đâu nào biết đâu buồn hay **vui**

chân di, hồn vẫn giạt lùi
vui buồn trở lại một thời buồn **vui**
nhớ Hà Nội là nhớ người
như hình với bóng dầu đời **chưa xa**

bão trời cuốn lốc đóa hoa
cánh không giữ nổi nhật nhòa **hương phai**
hai hàng nước mắt chảy dài
ngày thu ngăn lại bên ngoài mùa **đông**

*hồn đau riêng góc gai chông
chuyện, không thể kể, giữ lòng cho xong
ngờ đau ngăn núi, cách sông
nhà tan, cửa nát, sóng bùng thân trôi*

*phố Bờ Hồ, mẹ sinh tôi,
mặt sau Cầu Gỗ, chia đôi lối về
tôi từng khi tỉnh, lúc mê
như người muốn giữ lời thề, lỡ sai*

*chân đi mỗi bước một dài
càng xa chốn cũ, biết ai hiểu mình
trong muôn một vẫn nặng tình,
với từng góc phố, nơi mình sinh ra*

*khóe cười mẹ, vàng trán cha
gốc me xanh lá, hiên nhà ngồi chơi
nhìn sang hồ Gươm nắng rơi
tháp Rùa in bóng khung trời mùa xuân*

ngày xưa Đỗ Phủ khóc thầm
nuôi con chẳng nổi, đời trăm biển mê,
thời loạn lạc hết lối về
xa người lâu quá tình chia vụn dần

thôi thì đành vậy, người thân
cùng nhịp tim đập, dù gần hay xa
vẫn nguồn máu chảy thiết tha
vẫn nguyên một khối như là sống chung.

lụa hà đông

mặc tấm áo lụa Hà Đông
mát như sông Nhuệ chảy vòng làng La
người từ hương sắc cỏ hoa
tơ từ kén nhộng mà ra mặn nồng

mặc tấm áo lụa Hà Đông
ấm như đời thuở mẹ bồng trên tay
thuyền qua bao sóng chẳng say
người đi thuyền, sóng mũi cay, nhớ về...

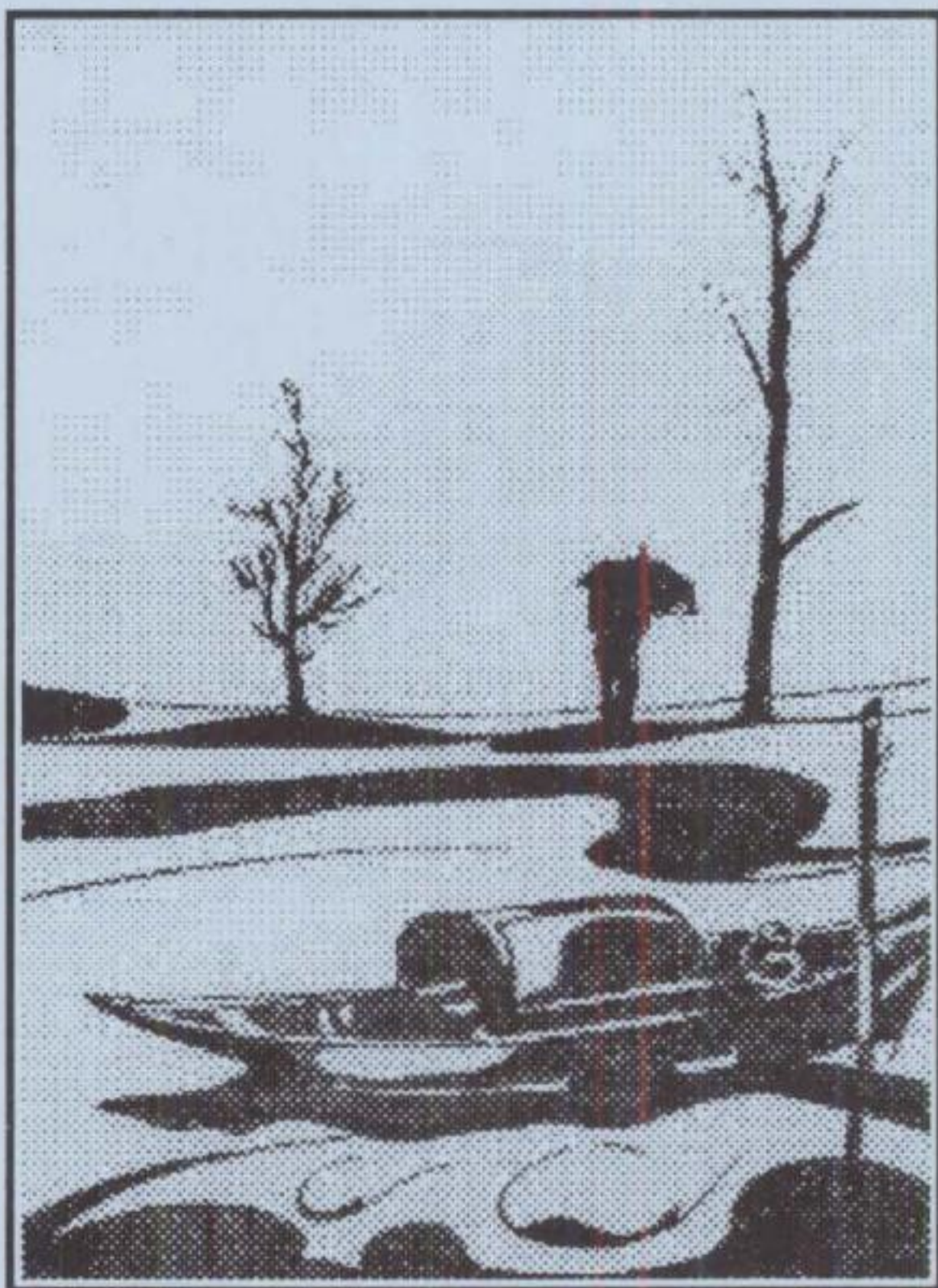
tiếng thời gian

*Vắng nghe như tiếng tiền nhân
Dòng thời gian lắng bước chân trở về.**

*mái cũ phát phơ buồn cỏ úa,
tường loang rêu lạnh, nhớ thời xưa
nghìn sau cảnh tiếp ngàn năm trước
mây xám vờn sương núi biếc mưa.*

** Di tích một làng xưa,
ở ngoại ô cố đô Bergen.*

PHỤ LỤC THƠ NGUYỄN THỊ VINH



Ô CHE THƯ THẢ NGƯỜI BIÊN CƯƠNG VỀ / NHÌN GIA ĐỊNH 72.

MỘT SỐ BÀI THƠ TRÍCH TRONG “THƠ NGUYỄN THỊ VINH”,
NHÀ XUẤT BẢN ANH EM, SÀI GÒN 1972, GIẤY PHÉP SỐ 221
BTT / PHNT (BỘ THÔNG TIN / PHỐI HỢP NGHỆ THUẬT) / SÀI
GÒN NGÀY 20 THÁNG 01 NĂM 1972. LƯU CHIẾU 15.02.1972.

thơ đốt cho anh *

(Giòng Sông Thanh Thủy về đâu
cũng không Đoạn Tuyệt với màu Nho Phong
Xóm Cầu Mới vẫn chờ mong
Bướm Trắng đâu muốn Lạnh Lùng, Nắng Thu
Đôi Bạ tình Người Quay Tơ
Hai Buổi Chiều Vàng chẳng bao giờ Tôi Tắm.)**

tôi đến thăm anh
anh biết không
đất trời
hắn cũng cảm thông
tấm tình

tỉnh đi anh!
dậy đi anh!

nghe như lòng đất
chuyển mình
cổ trên nấm mộ lung linh
u hoài

gió mơ hồ
nhẹ thở dài
hình anh mờ nhạt
trên vài dáng mây

tiếng anh
nghe vắng dẫu đây
nhắc tôi
nhớ tới phút giây
tâm tình:

sống là chi
thác là chi
âm dương dẫu có nghĩa gì
chúng mình muôn thuở
vẫn đi chung đường

hiếu nhau
qua những tình thương
trọng nhau
vì nghĩa văn chương
thế tình:

“xót xa cho đất nước mình
máu xương oan khuất
tội tình do đâu?”

giờ anh nằm
trong lòng đất lạnh
tôi sống giữa trần gian
bơ vơ
trên nẻo đường cô quanh
hai chúng mình
ai đơn lạnh hơn ai?

bây giờ
là cuối tháng Hai
mùa xuân dương thế
còn dài không anh

sao tôi quá ngại,
chán chường,
sợ mình gục ngã
giữa đường
đang đi

*cỏ trên mộ anh
xanh xanh
êm êm
tiếng lá lìa cành
nghe như
tiếng bước chân anh
hiện về*

*nói đi anh
kể đi anh
có gì ngăn cách
chúng mình
phải ba thước đất
vô tình này chẳng!*

* Nhân một buổi thăm mộ bậc đàn anh, nhà văn Nhất Linh, ở xã Hạnh Thông Tây, quận Gò Vấp, tỉnh Gia Định nay là ngoại thành Sài Gòn, ngày 21 tháng 2 Ất Tỵ, 1965. Tôi viết bài này xong, chép lại một bản lưu, còn bản chính “đốt cho anh”. (NTV.)

** Tên một số tác phẩm của nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam (1906 - 7-7-1963).

mộng du

*trời đầy tôi
kiếp mộng du
trên con đường dốc
sa mù chiều đông
tay không,
núi sợi mây hồng
trong tròng mắt nhắm
mà trông mặt trời*

*nhưng mùa đông
tím cuộc đời
nắng dẫu soi đến
với người mộng du
quanh tôi
đầy những sương mù
với tình yêu,
với hận thù bao vây.*

xin chớ xa tôi

*mỗi mệt quá
mang nỗi buồn trọn kiếp
chùng xác thân
tê liệt cả tâm hồn*

*giọt năm tháng
cứ lời dần cuộc sống
mà đau thương
quấy động
mãi không ngừng*

*ngó sau trước
không một khuôn mặt bạn
dời tha ma
chập choạng
những hình hài*

lời mật ngọt
 lưỡi dài phun máu đỏ
 gây hoang mang
 gây đổ cả niềm tin
 gió ào ạt
 sấm gào
 mưa chẳng tới

bóng dơi đen
 như chấp chới quanh nhà
 phải cuộc sống
 đã biến ra mộ địa

tình người ơi
 tình người
 quá thiết tha!

tim rung rúc
 tìm một tia mắt ấm

*lòng giận người
vì tôi quá yêu người
trời cuồng bạo
bắt đầu mưa xối xả
dù những bóng dơi
xin chó xa tôi.*

say tỉnh

*lời chẳng ngộ,
ý phiêu diêu
ngợp trong cảm giác
rất nhiều mẩn thương
phải chăng
giấc mộng yêu đương
hay cơn say tỉnh
bất thường là đây?*

tình người

*từ buổi đôi mắt lòa
nhìn chẳng thấy
đôi tay cùi
run rẩy đón lòng nhân
ánh nắng chảy trên lưng
hay lửa bỏng
mặt trời hồng
hay đã lạnh trong sương*

*đêm dầy đặc
trùm lên tôi suốt kiếp
cuộc sống hờ
sao tôi vẫn cứ vương
lặng nhịp bước xôn xao
ào ạt sống
mà sao tôi cùi cụt
cả tình thương?*

kiến ời kiến,
dừng đốt tôi thêm nữa
máu người cùi
còn ngon bổ chi đâu
kiến nên biết
dù thân người tàn phế
nhưng quyền năng tự vệ
vẫn còn lâu

di di kiến
dừng để tôi phải giết
thế kỷ hai mươi
xác chết đã nhiều
tôi không muốn hủy thêm
dù mạng kiến
vì tình thương
còn có được
bao nhiêu?

thế kỷ chúng ta

*em là con ai
em từ đâu đến
người hành khất già
đã nuôi em
trên hè phố,
em nằm
trên manh chiếu*

*tay em bé xiu
chân em bé xiu
mắt nhắm hờ
giấc ngủ thiếu lời ru
vành môi non
ngậm núm vú cao su
dính cát bụi
của chân người qua lại*

*màu tóc máu
phất phơ
bay trước gió*

tấm thân non
mềm nhỏ
bỏ phơi trần
bầy ruồi nhặng
xúm vào thương em hả?
không đâu, em!
chúng
chẳng có lòng nhân

tội gì nhỉ,
em phải mang,
sớm thế?
tội làm người
của thế kỷ hai mươi!
thế kỷ có máy bay,
hỏa tiễn
có phi thuyền
lên dạo mặt trăng!

mỉa mai thay
không cứu được lắm than
như em đó
là chứng minh
cụ thể

*nếu sống nổi
sau này em biết nói,
có ai hỏi
cha mẹ em đâu,
em Việt Nam
hay giòng giống người Âu?
chắc ngỡ ngác,
em nói rằng: không biết!
sẽ có phút
nhìn mình
em tự hỏi, em là ai?
con Việt
hay con lai?**

*da nhẵn nhúm
sớm pha màu sương gió
tuổi thơ ngây
mà không có mẹ cha*

*hè phố là nhà
xin ăn để sống
lòng tủi hổ
nhìn người qua kẻ lại,*

*em tưởng rằng
em chẳng phải loài người*

*nhưng không,
em cũng là người,
người
của thế kỷ
hai mươi*

*thế kỷ chúng ta
có các nhà bác học,
vượt không gian,
có nhà văn
nhà báo
có sách
có thơ
có mực in
giấy trắng
có nền văn minh
thời đại
hãnh diện
đi em!*

** Con lai: Ở đây muốn nói tới
con rơi của lính viễn chinh.*

biafra *

Biafra, Biafra
trời xa thăm thẳm
nhưng gần nhau
bằng chút tình
người,
tôi đã khóc
khi nhìn hình
trên trang báo

hàng ngàn,
hàng ngàn
em bé thiếu ăn
dầu trọc lóc
mình trần
không manh áo
ruột đói
bụng to
chứa trăm thứ bệnh

mảnh da nghèo
nhăn nhúm
bọc ngoài xương
thân co quắp
nằm chết nghiêng
chết ngả

em còn sống
đi quẩn, đi quanh
mặt hốc hác
mắt lồi to thô lỗ,
lời tới lời con mắt
mà chẳng thấy miếng ăn

chẳng lẽ
lại đi ăn xác chết?
vì khổ thay
các em
chẳng phải thú rừng!

*Biafra, Biafra
cho tôi gửi lời nhắn nhủ
nếu có luân hồi
xin các em
dừng dẫu thai làm người
trong thế kỷ hai mươi!*

*các em hãy chờ đợi
đến thế kỷ nào
con người
được tự do
con người được ăn no
mặc ấm
nhớ
nghe em!*

Sài Gòn 1967.

* Biafra, vốn là vùng đông nam, nước Nigeria ở châu Phi, khoảng 14 triệu dân, đòi tự trị năm 1967; sau cuộc chiến đẫm máu, Biafra vẫn bị kết hợp vào Nigeria tháng 5 năm 1970. Cho tới nay, năm 2000, nghĩa là 30 năm sau, dù được thế giới viện trợ nhân đạo nhiều, phần lớn dân Biafra vẫn sống khổ và chết đói như năm 1967.

*nhớ về hà nội **

*đêm sâu thăm, thâm u
từng cơn chớp lóe
càng tăng thêm cảnh tối
mịt mù
hơi mưa lành lạnh
đường như trời đã sang Thu*

*tôi mơ về Hà Nội
tôi nhớ đường Cổ Ngư
mười năm cách biệt
ngăn lối về bằng biên giới hận thù*

*anh ơi, phố Hàng Đào giờ ra sao
đền Ngọc Sơn thế nào
ga Hàng Cỏ có còn
những toa tàu hỏa
hàng ngày bao chuyến đi về
qua khắp các vùng lân cận?*

Hải Phòng, Bắc Ninh,
Cẩm Giàng, Yên Bái...
ở đây có những làng nho nhỏ
chừng vài trăm mái tranh
chung quanh toàn đồng xanh

các nàng con gái
mắt sáng má hồng
mặc áo tứ thân
chít khăn mỏ quạ

các chàng trai da rám,
ngực đầy, di cầy di cày
làm thợ sơn, thợ khảm
nền trời cao trong xanh
tiếng trẻ reo vui nói ngọng
ê... a tập đánh vần

các ông già tóc bạc râu dài
thong thả thăm đình thăm miếu
các bà già ngồi sưởi nắng hoàng hôn
nhai trầu bồm bồm
mắt nhìn con trẻ thương yêu

anh ơi, giờ cảnh ấy thế nào
hẳn đã thành lạc hậu
và còn anh
có như tôi
nhớ về dĩ vãng
mơ chuyện tương lai,
coi tôi là bạn
hay chuyển thành thù?

nhớ không anh,
ngày trước hai chúng mình
cùng học một trường,
cùng chung một lớp
bảo nhau rằng
tình bạn thâm sâu

giờ đây Bến Hải
chia đôi đất nước,
gà nhà bơi mặt đá nhau
bởi các tay cá độ!

tôi sợ có ngày
tôi theo đoàn quân Bắc tiến
anh vào xâm chiếm miền Nam
gặp nhau trên chiến trận
có thể anh bắn tôi,
tôi bắn anh
nhưng xin đừng
nhìn nhau thù hận!

ngày xưa
Hà Nội hiền lành
tình người như bánh cốm xanh
ngọt ngào
mùa Thu hồng chín
nao nao
lá sen gói thủy chung vào
dây hương...

Sài Gòn 1964.

* Nhớ Về Hà Nội, bản chuyển sang Anh Ngữ của dịch giả Nguyễn Ngọc Bích, đã in trong tập *Glencoe Literature (Word Literature)*, Văn chương Thế giới, nxb Glencoe Mac Graw-Hill, USA. 2000. Bài thơ, tôi viết, đã trên 37 năm, nay đọc lại thật đáng buồn; tôi thấy hình như trong hoàn cảnh đất nước ta hiện tại, tệ nạn “chia nam, rẽ bắc” vẫn chẳng thay đổi được là bao?

bao giờ vui lại

*tôi nhớ mùi khói rạ
lẫn mùi dưa cải chua,
thơm thơm cơm gạo mới
trẻ già vui được mùa*

*nắng vàng tươi hoa cải
sớm mai ấm tình người
chiều rơi đầy lối ngõ
ửng tím mây chân trời*

*anh có thấy xót xa
những linh hồn lạc lõng
chăm sóc từng vại cà
chum tương buồn lên mốc*

*bom đạn thay cây cuốc
phá vỡ bờ ruộng xanh
mạ non nằm chết lả
bao giờ vui lại, anh!*

hồn trắng

*hương quê cha lửa mặt trời
tình riêng quê mẹ ngậm ngùi ánh trắng
khổ đau mấy cũng âm thầm,
trông trắng lại nhớ tấm lòng mẹ quê.*

lòng mẹ

*môi xinh con nở nụ cười
trong hồn mẹ, đóa hương trời nở bông
vỗn đưa theo nhịp của lòng
với bao nhiêu ước vọng cùng lên cao*

*biển khơi, tình mẹ rạt rào
nuôi con vất vả thế nào cũng vui
với lòng san ngọt, sẻ bùi
chất chịu cơn áo, thiệt thòi kể chi.*

tình mẹ

ánh trăng
như linh hồn
bà mẹ quê
tuyệt diệu,
mệnh mang
dòng sữa ngọt
tình thơm ngát
môi hôn

tháng ngày
nơi đất khách
quên mất
ánh trăng xưa,
tâm hồn mẹ
cao cả
vẫn sáng
tới bây giờ.

đà lạt

*đường quanh vàng dịu hoa quỳ
dưới trời ảm đạm chiều đi mưa buồn
mây như lụa mỏng trên nguồn
lũng xa khói lá pha sương đục mờ.*

gió đông

*ổ rơm đan chặt tình người
xá chi ngọn gió cuối trời mùa đông.*

hồ khuya

*hồ khuya ngủ dưới bóng đêm
cây im sương nhỏ cành mềm khẽ lay.*

gió cũ

*mênh mang tâm thức đôi bờ
thoảng cơn gió cũ chợt về từ đâu
nhánh sông chưa cạn dòng sầu
nhớ ai thuở ấy quên câu tự tình.*

gió mây

*tôi ưa vọng chân trời
tôi thích nhìn mặt biển
dõi con tàu ra khơi
sóng trùng dương bất tận
chí phiêu du muôn nơi*

*tôi mơ chàng là gió
tôi ước tôi là mây
gió chàng nhẹ nhẹ thổi
mây tôi bồng bênh bay*

*đường trên trời rộng lắm
không chia đông và tây
cõi bờ nào cản gió
ranh giới nào ngăn mây*

*chúng ta cùng bất diệt
muôn đời vẫn gió mây.*

thanh ngọc

những nụ hoa cải vàng
vươn cao như kiêu hãnh
tôi sung sướng thở mạnh
trong vườn chim hót vang

hoa ngâu nở, nụ cười,
giọt sương tròn trên lá
gió nhẹ cũng muốn rơi
như hồn tôi đắm đuối

hoa hồng nở dưới nắng
gai sắc buốt thịt da
trong tim tôi rỉ máu
nhớ tình bạn thiết tha

hoa lan, dáng Người về
trên đồi sương mờ mịt
thương nhớ suốt Đa Mê
hồn đầy hương thanh ngọc.

y bát

*cái bình bát
của riêng tôi
là lòng vui vẻ
nhận rồi
cho đi,
buồn vui
đời có xá gì
với người khát sĩ
mặc y đời thường.*

công án

*cho dù
chẳng biết mặt nhau
vẫn xin gửi bạn
nghìn sau, một lời:
cho dù
đau khổ suốt đời
vẫn niềm hạnh phúc
làm người
Việt Nam.*



MẸ / NHƯ CỎI VĨNH HÀNG / TRANH NGUYỄN HỮU NHẬT.

tâm hồn lạ

(Giữ NHN.)

... đời anh
biển rộng
mênh mang
sóng
chao động
vỡ
muôn vàn vì sao
hồn mang
trời đất
thuở nào,
anh
tâm hồn lạ
hòa
vào thiên nhiên...

thơ về làng bạn

(Gửi chị Nguyễn Hữu Thị Huệ, La Khê,
Bông Đỏ, Văn Khê Hà Đông và NHN.)

mai rời đất khách, tôi về
thăm quê nhà bạn, La Khê làng nghèo
Bông Đỏ nghe như tiếng reo
lạ Hà Đông dật sớm chiều nắng tơ
một họ, hai người làm thơ,
Xuân Quỳnh và bạn ai ngờ biết nhau
cùng đem hương bưởi, hương cau,
gửi vào trang giấy, nỗi đau phận người
càng đi cuối đất, cùng trời
lại càng thương nhớ cái nơi muốn về
(sông đào uốn theo bờ dê
hay bờ dê lượn cong về mạn sông)
chuông chùa Ngoài, trống chùa Trong
trăng sao vỡ hết giữa vòng nước tan
dụn rơm in bóng chiều tàn
cánh đồng rau Khúc trắng dần giữa hoa
sương từ khói sóng lan ra
sáng trầm thêm ánh vườn cà tím hơn
thơ về làng-bạn, cảm ơn
vân chìm tôi tưởng hàng trôn... bạn là
người giúp cho tôi nhìn ra
cái tình, như lụa làng-ta, đẹp bền...

***gửi các em thơ
việt nam***

*nếu các em là chim chích chòe
chị xin làm cành tre
cho các em về đậu
hót vang mọi người cùng nghe*

*nếu các em là đàn tranh
chị xin làm âm thanh
trong những đêm trăng mười sáu*

*nếu các em là dây tơ hồng
chị xin làm cây mọc bên sông
nơi đợi chờ thuyền cặp bến*

*nếu các em là hoa đào
chị xin làm mưa xuân
cho nụ cười tươi mát
cánh xòe ra tỏ tình thân*

*nếu các em là đôi mắt nhung
chị xin làm khung cửa sổ
không có chấn song
để ánh trăng vào nhảy múa*

*nếu các em là màu tím
chị xin làm nụ cà
thắm mãi nhờ tình yêu đất
trong vườn nhà ta nở rất nhiều hoa*

*nếu các em là thiếu nữ
chị xin làm lụa hà đông
hai vạt áo dài khếp nép
trên mỗi bước chân theo chồng*

*nếu các em là con trai
chị xin làm gươm báu
nhà mình, mình giữ đợi gì ai
trong khi sức rộng vai dài*

*nếu các em là trẻ thơ
chị xin làm dòng sữa
kết tinh từ lúa hai mùa
của ruộng đồng Trung Nam Bắc...*

hà nội trong tôi

*tôi xa Hà Nội lâu rồi
mà sao Hà Nội trong tôi vẫn gần,
đi nhiều những tưởng quên dần
ngờ đâu cảnh cũ mười lần nhớ thêm*

*nhớ cả tiếng rao quà đêm
lấn khuya trở lạnh chần êm ngủ vùi,
phố nghèo*, gác hẹp mà vui:
đuôi chân chạm vách, ngó trời mái thưa*

*sông Hồng se lạnh chiều mưa
thuyền vào bến đậu người chưa lên bờ,
ngọn tre chìm khói sương mờ,
nhòe bay đàn sếu ngóng mùa thu sang*

*dòng trôi chuyển khúc âm vang
bãi xa vườn ổi chín vàng-nắng-hanh
nhớ ơi là nhớ đường Thành
tường xưa vách lở rêu xanh ngọn tàn*

* Sau khi cha mẹ mất, bốn anh em của tác giả phải rời căn nhà ở phố Bờ Hồ, đến thuê căn gác xép ở phố Hàng Than, Hà Nội. (Chú thích của nhà xuất bản AE.)

chạnh nhớ bà huyện Thanh Quan
”hồn xưa thu thảo”, nghe đàn hơi may

Hà Nội trong tôi sáng nay
quê người sắc trắng tuyết bay ngoài trời
lòng riêng tưởng hoa Sữa rơi,
tuổi già nhớ mẹ như thời trẻ thơ...

Hà Nội trong tôi bây giờ
thực mà vẫn ảo là mơ thật rồi...

nhớ nhà

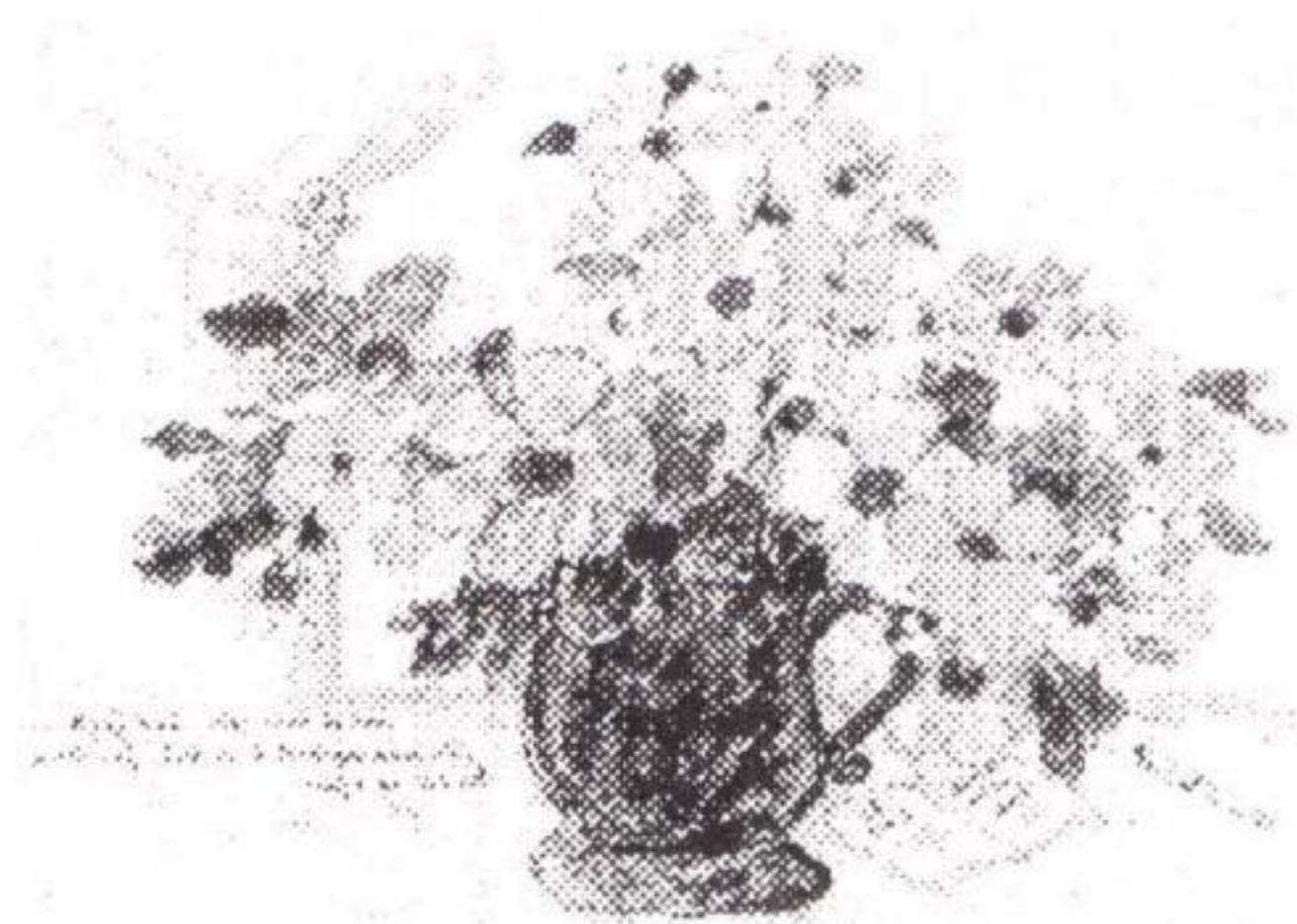
ngày còn nhỏ thích xa nhà
đi đâu cũng được miễn là được đi

lang thang mây chẳng định kỳ
có chân không bước, ích gì chân ơi

bây giờ mỗi bước đường đời
đi đâu cũng chỉ nhớ trời một phương

cánh hoa gạo đỏ bên đường
nhớ nhà rưng rức hồn nương mây về.

HOA BẤT TỬ



TÌNH VẬT / MÀU CHÌ / TRANH CỦA NHÀ VĂN NHẤT LINH
NGUYỄN TƯỜNG TAM VẼ CHO TRUYỆN DÀI CÔ MAI CỦA
NGUYỄN THỊ VINH KHI BÀN THẢO TRÊN BÀN CÒN ĐANG
VIẾT DỖ ĐANG NGÀY MỪNG MỘT TẾT NĂM TÂN SỬU 1960.

Hồn tôi nóc nhỏ tháp cao
Chênh vênh đứng dưới trăng sao trời buồn.

NGUYỄN THỊ VINH.

cửa không cánh cửa

1 hoa

kể từ buổi

dời chưa có Phật,

Phật tính

Người có thật

tại Tâm,

ngó Sen mới mọc

ngoài đầm

mùi thơm

Hoa đã chứa ngấm

trong Thân.

2 sen

lá xanh biếc,

xòe bông trắng muốt

nhụy vàng hoe,

nhân đặng ngắt gương,

sen tàn

ra cội vô thường

tiếng khô ròn tiếng

hạt sương rớt vào.

3 hương

*bông cùng trái
kết thành một lượt,
bướm, ong
không hút được mật ươm
giữ gìn nhan sắc
tinh tươm
giắt hoa suốt tóc
nức thơm mái đầu.*

4 sắc

*“tơ không dứt
dầu lìa ngó ý”*
tình còn vương
nước mắt xót người,
vỡ thềm
ngay giữa tiếng cười,
có không?
không có!
bao đời vẫn lẫn.*

5 không

vừa có dấy,
 đã không, cũng dấy
 “sáng dâu xanh,
 chiều trắng tuyết phơi”**
 hồn dâu nương mãi
 xác người
 tử, sinh trăm cách;
 một nơi đi, về.

6 chuông

thuyền
 cắm giữa hai bờ mê hoặc
 xé màn đêm
 mưa vọc hồi chuông
 chớp lờ
 tung ngọn sóng cuồng
 biết dâu là bến
 mà buông mái chèo.

7 nguyên

thơ xin gửi
mười phương lời nguyện
một tâm lành
hương quyện lòng hoa,
trái từ thêm đất
chùa nhà
tối vô lượng kiếp
sáng tòa sen dâng.

8 người

người với người,
dừng như cầm thú,
luật rừng xanh
giết hại lẫn nhau;
để rồi kẻ trước
người sau
lìa đời chẳng biết
nơi đâu chốn về.

9 ta

hình với ảnh,
 nương thân cối tạm,
 ánh trăng sông
 khẽ chạm bóng hoa,
 cả hình lẫn ảnh
 cùng nhòa
 lấy dấu chia biệt
 giữa ta
 với người?

10 vui

thơ tặng
 cuộc nhân sinh lời chúc
 hội Long Hoa
 cội Phúc trở bông;
 mộng thì vừa có
 đã không,
 nhất nguyên còn lại
 tấm lòng thật vui.

* Nguyễn Du: Dấu là ngó ý, còn vương tơ lòng.

** Lý Bạch: Chiêu như thanh ty, mộ như tuyết.

cõi tạm

Kg. quý Bạn đọc.

1 đạo

*đạo tôi theo suốt
một đời
lại là cái đạo
làm người,
làm thơ,
làm văn,
tự bấy tới giờ
vẫn chưa giải thoát
khỏi tờ giấy
im.*

2 đời

*sống gần hết
một kiếp người
nếu thông thường tính
một đời trăm năm,
nhìn bao nhiêu lần
trăng Rằm
vẫn chưa soi tỏ
được tâm mắt tôi.*

3 thơ

viết cho
có điệu, có vần
có hình, có ảnh
nghĩa gần, ý xa;
chỉ là cách
để hiểu ta
hôm nay
hơn được hôm qua
chút tình.

4 văn

viết không hết ý
của mình
lời chưa trọn nghĩa
nên tình mất vui,
người đi
phong cảnh giạt lùi;
còn tâm cảnh
biết là lùi hay đi?

5 người

giữa thân với vật
là người
tâm hoa môi nở
nụ cười tặng nhau,
tìm cách
làm cho ai đau
là hồn quỷ nhập
còn đâu
tính người?

6 chết

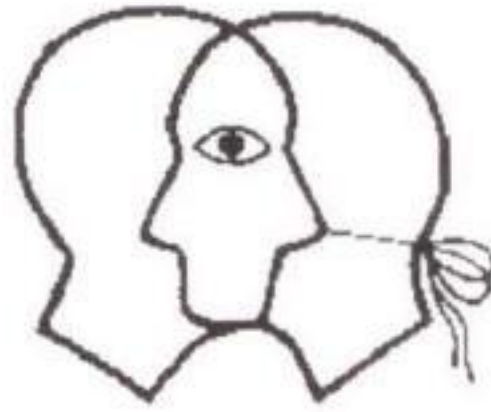
ngồi nhìn
những bông tuyết rơi
như hoa mai
trắng xóa
trời Oslo,
rồi ra
nắng ấm mùa khô
tuyết tan
chuyển thể
y như kiếp người.

7 sống

làn hơi nhẹ thoảng
khẽ chao
ngực rung động mạnh
hít vào, thở ra
chưa hẳn là sự sống ta;
còn cần hơi thở
lá hoa chộn vào.

8 mãi mãi

khoảnh khắc
ngỡ là thoáng qua
ngờ đâu mãi mãi
dời ta cần người,
trang thơ khép lại môi cười,
còn ngân
tiếng nhạc không lời
gần xa
giọng trầm,
cối tạm, tình cha
xưa riêng gửi mẹ
giờ là của chung. ✍



*tôi mất tôi tự thưở nào
muốn đi điếm nhưng vì sao để tìm.*

CÂU CHUYỆN VĂN HỌC
THƯ GỬI HAI NGƯỜI ĐÀN BÀ NỔI TIẾNG
CÔ MAI & CÔ LOAN
CỦA TỰ LỰC VĂN ĐOÀN



NGUYỄN HỮU NHẬT / GIA ĐỊNH 6.1970.

Cô Mai và cô Loan thân mến,
Từ lâu tôi đã có ý muốn viết một lá thư chung cho hai cô,
dù hai cô chưa một lần sống ở ngoài đời, nhưng hai cô
vẫn mãi mãi sống trong lòng tôi, ít nhất là cho đến khi tôi
không còn có mặt trong cuộc sống này nữa.

Đã có một thời mà người ta gọi là Thời Tiền Chiến, hai
cô được mọi người yêu mến suốt từ ngoài Bắc vào tới
trong Nam. Người này bảo hai cô là nhân vật tiểu thuyết
lý tưởng và tiểu thuyết luận đề, người khác lại bảo là tiểu
thuyết lãng mạn. Tôi thì tôi nghĩ khác, đành rằng cô Mai
có mặt trong cuốn tiểu thuyết của nhà văn Khái Hưng,
mang tên Nửa Chừng Xuân, in năm 1934, và cô Loan xuất
hiện trong cuốn tiểu thuyết Đoạn Tuyệt của nhà văn Nhất

Linh, in năm 1938, nhưng hai cô thật sự được sinh ra từ đời sống. Như hai cô biết, dân tộc ta vốn là một dân tộc vô cùng nhân ái, từ cô tiểu thư cành vàng lá ngọc cho tới cô gái nhà quê chân lấm tay bùn, đều có một tình thương yêu vô bờ bến đối với con người, đến độ không cần phân biệt đâu là người ngoài đời với người trong sách vở. Chúng ta thương yêu nàng Kiều không phải vì nàng Kiều có thật trong đời mà vì nỗi đau khổ mà đời đem tới cho nàng Kiều là có thật. Nên tôi có yêu mến hai cô cũng là chuyện thường tình. Ba trăm năm trước, ba trăm năm sau, mỗi khi đọc hoặc nói về Đoạn Trường Tân Thanh, người ta vẫn gọi Kiều là cô Kiều và gọi mẹ của cô là bà Vương bởi những người trong sách không bị thời gian chi phối. Mai và Loan cũng vậy, trẻ mãi không già, lúc nào cũng được gọi là cô.

Chính tôi từ nhỏ tới giờ, trong ý nghĩ vẫn cứ đinh ninh có một cô Mai và một cô Loan, bằng xương bằng thịt. Lúc này, hai cô đang sống ở đâu đó quanh hoặc trong lòng thành phố Hà Nội, nếu là người ngoài đời, có thể đã già lắm rồi hoặc biết đâu đã chết trên đường di tản cư trong chín năm đánh Pháp; di cư, hai mươi năm đất nước chia đôi và từ 1975 đến nay, di dân, di tản, người mình càng có thêm nhiều cách chết.

Ông Khái Hưng in *Nửa Chừng Xuân* năm 1934, khi đó tôi mới lên mười tuổi, tính đến nay 1994, thời tuổi của cuốn

Nửa Chừng Xuân được sáu chục. Nhưng Ông Khái Hưng thì đã mất lâu rồi. Người ta đã giam ông tại Trại Hối Thất Chính Trị Phạm Liên Khu 3 ở Lạc Quân (Trực Ninh) rồi sau đó giết ông ở bến đò Cựa Gà thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định năm 1947.

Người ta kết tội và thủ tiêu ông Khái Hưng chỉ vì giữa ông với người ta khác nhau cái lối chống Pháp, chỉ vì ông biết người ta mượn tiếng Quốc gia Dân tộc ngay từ những năm đầu cuộc Cách Mạng Mùa Thu. Giết một nhà văn lớn của đất nước xong, khi cầm được quyền, họ còn cấm cả cô Mai không được đi đến với bạn đọc. Hai mươi bảy năm sau, 1992, người ta lại cho quay phim Nửa Chừng Xuân, bán cả ra ngoài này và tôi cũng đã được xem, vừa xem vừa buồn. Khóc. Tôi thấy rõ ràng con người trong sách vở cũng có số phận như con người ngoài đời. Những tang thương của cuộc sống làm cho con người ngoài đời thăng trầm. Thân phận trôi nổi của một cuốn sách kéo theo bao đổi dời của những nhân vật trong nó.

Lạ lùng thay, một trong những cuốn truyện dài của tôi được xuất bản năm 1971 lại mang tên Cô Mai mà mãi cho đến bây giờ, 23 năm sau, trong lúc ngồi đánh máy lá thư này tôi mới nhận ra. Khi viết và đặt tên cho cuốn truyện ấy, tôi chỉ nghĩ đến người chị của tôi, một người có cái tên cũng thuộc vần M. Tôi không muốn dùng tên thật của chị tôi nên đã đặt tên sách là Cô Mai. Đây không hẳn là

một sự trùng hợp, vì cô Mai trong Nửa Chừng Xuân, vẫn đầu đó, sống cùng với tôi ở ngoài đời. Một cô Mai lúc nào cũng nhớ lời cha *“ân cần dặn các con phải giữ lòng được vui vẻ, giữ gìn linh hồn được trong sạch và đem nghị lực ra làm việc.”* Tôi ngờ như đó là lời của Khái Hưng muốn nói với chính mình, rồi gửi tới những người trẻ tuổi cùng thời với tôi. Xưa nay nhiều người cầm bút không sống theo được những điều tốt đẹp mà họ viết ra, nhưng với phần lớn các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn lớp trước, họ viết ra những điều tốt đẹp mà chính bản thân họ đã sống. Ngay việc đặt tên Tự Lực cho một văn đoàn, ra đời đầu mùa xuân năm 1933, cũng quy tụ toàn những con người có tinh thần tự lực: Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Khái Hưng (Trần Khánh Giư), Hoàng Đạo (Tứ Ly Nguyễn Tường Long), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Thế Lữ (Nguyễn Thế Lữ)... Tất cả đều tốt nghiệp Tây học trong thời Tây mà không ai chịu ra làm việc cho Tây. Làm việc cho Tây, lúc ấy mà có bằng cấp, có nghĩa là đi làm quan, vinh thân phì gia. Thậm chí Khái Hưng, tốt nghiệp trường Albert Sarraut Hà Nội (Ban Cổ Điển) và Nhất Linh, cử nhân khoa học Paris (Ban Lý Hóa), mà chỉ thích đi dạy học ở trường tư, trường Trung học Thăng Long Hà Nội, nhất định không đi dạy cho trường Nhà nước Bảo hộ.

Cô Mai và cô Loan còn nhớ không? Thời mà *“trong mỗi người Việt có một ông quan”*, Nhất Linh và Khái Hưng lại

không muốn làm quan. Khái Hưng vừa dạy học vừa viết các xã thuyết và chuyện vui hàng tuần cho tờ báo của Chu Mậu để kiếm sống, trong khi Khái Hưng là con rể của Tổng Đốc Bắc Ninh Lê Văn Đính, tự lực cánh sinh ngay trong đời sống cơm áo hàng ngày. Năm 1923, Nhất Linh, đậu bằng Thành Chung rồi ra làm Thông phán sở Tài chánh, không đầy hai năm, ông bỏ sở rồi quay ra theo học trường Y khoa, rồi lại bỏ sang trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội. Chưa hết, từ 1926 đến 1930, Nhất Linh học vật lý và hóa học ở Pháp nhưng vẫn lo nghiên cứu thêm về chính trị, ấn loát, báo chí và hội họa. Là con trai của ông tri huyện Cẩm Giàng, song Nhất Linh suốt một đời chống thực dân và phong kiến.

Tự Lực Văn Đoàn được sáng lập bởi những người như thế, nên mới chỉ trong ngót mười năm trời, từ 1933 đến 1939, Tự Lực Văn Đoàn đã gây được một cao trào Dân tộc Tự lực trong cả hai đời sống văn học và xã hội. Dùng ý niệm canh tân xứ sở để làm giàu cho văn chương và dùng văn chương trong sáng để truyền bá lòng yêu nước. Rất cần thiết những tiểu thuyết mà người ta gọi là tiểu thuyết luận đề trong bối cảnh nô lệ, mất nước, trình độ dân trí còn thấp, các sĩ phu của thời đại mới không thể nêu cao tinh thần trên lá cờ bằng thơ chữ Hán, giống như Cao Bá Quát: “*Bình Dương, Bồ Bản vô Nghiêu Thuấn, Mục Dã, Thanh Điền hữu Võ, Thang*”? *Đã rồi, người ta gọi là tiểu thuyết luận đề*

Phải bằng tiếng Mẹ đẻ, dù ký hiệu của ngôn ngữ dựa vào Hán tự (chữ Nôm) hay La tinh (chữ Quốc ngữ). Con đường dễ nhất để xóa nạn mù chữ cho cả một dân tộc vẫn là “*chữ Quốc ngữ chữ nước ta, con cái nhà đều phải học*”. Nhưng chữ Quốc ngữ, như hai cô Mai và Loan thấy đó, nó có mặt ở trang giấy qua bao công sức của những nhà truyền giáo Tây phương, hết Bồ Đào Nha tới Phú Lãng Sa, chập chững lên đường trong “*Phép Giảng Đạo Tám Ngày*”, với sự ghi âm và phát âm, cứng lưỡi, của người ngoại quốc nói tiếng Việt, “tở tuồng”, khiến người mình chưa mấy ai tỏ tường.

Tới đầu thế kỷ này, sau bao gian nan đẽ gọt của nhiều thế hệ, với những người như Huỳnh Tịnh Của, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Trọng Thuật... đã làm cho tiếng Việt, ký âm La tinh, tuy gọn gàng phép tắc, song vẫn chưa lên hàng nghệ thuật như thời cô Mai và cô Loan, tung hoành trên mọi dòng tư tưởng. Chính Tự Lực Văn Đoàn, trước hết phải kể đến Khái Hưng, ngay trong tác phẩm đầu tay Hồn Bướm Mơ Tiên (Hà Nội tháng 5 năm 1933), cũng là cuốn truyện thứ nhất của Tự Lực Văn Đoàn, đã như áng thơ xuôi. Nhưng phải tới Nửa Chùm Xuân (Hà Nội 1934), sau tiểu thuyết văn vần Truyện Kiều của Nguyễn Du, hết sức thành công, tiểu thuyết văn xuôi Việt Nam mới thật sự đứng vững và hướng đến một chân trời văn học rộng rãi và trong sáng.

Khái Hưng, theo Vũ Ngọc Phan đã viết trong Nhà Văn Hiện Đại, thì: *“Hiện nay, nhà văn mà được nam nữ thanh niên ưa chuộng, được họ coi là người hiểu tâm hồn họ hơn cả, có lẽ chỉ có Khái Hưng. Độc giả của ông không phải chỉ thợ máy diêm hay anh tài vận ô tô như một vài nhà tiểu thuyết chủ trương những thuyết cạn hẹp và thông thường, độc giả của ông thuộc hẳn hạng thanh niên trí thức, mà trong ấy phần đông là bạn gái. Khái Hưng là văn sĩ của thanh niên Việt Nam cũng như Alfred de Musset là thi sĩ của thanh niên Pháp xưa.”*

Cô Mai và cô Loan thấy hình như ở đây có một điều gì đó mang tính chất mâu thuẫn phải không? Tiểu thuyết lý tưởng là gì? Chính ông Vũ Ngọc Phan cũng bảo: *“Một tiểu thuyết mà tác giả dựng lên những cái cao quá, người ở thế gian này không thể nào có được.”* Trong khi Nửa Chừng Xuân lại được ông Vũ Ngọc Phan và nhiều người khác xếp vào loại tiểu thuyết lý tưởng.

Vậy mà đối với đám đông thanh niên nam nữ, ít nhất suốt hai thập niên 30 và 40, đã coi Khái Hưng *“là người hiểu tâm hồn họ hơn cả”*. Phải chăng tuổi trẻ thời trước, cách đây trên nửa thế kỷ, sống với những tâm hồn đầy lý tưởng? Lý tưởng thường nằm trong ước mơ muôn thuở của con người về những gì tươi sáng, đẹp dễ, đạo đức và cao thượng, đôi khi tưởng chừng như không tưởng, khó có thể hoặc không có thể xảy ra trong cuộc sống.

Những người yêu nhau trong tiểu thuyết lý tưởng thường không giống những cặp tình nhân yêu nhau trong tiểu thuyết tả chân xã hội. Loại sau được người ta xem là gần gũi hoặc giống như ở ngoài đời. Người ta nói Cô Mai là một người đàn bà lý tưởng, từ đầu cho tới cuối cuốn *Nửa Chừng Xuân*, cô sống theo lời cha dặn “*phải giữ lòng được vui vẻ, giữ gìn linh hồn được trong sạch và đem nghị lực ra làm việc.*”.

Cô Mai không sống cho mình, ai giúp cho em trai của cô Mai được tiếp tục ăn học, người đó là ân nhân của cô Mai và cô Mai phải có bốn phen trả ơn. Lộc còn cứu Mai thoát khỏi gã cường hào Hàn Thanh ở thôn Xuân Đình. Cô Mai đã trả ơn bằng cách lấy anh Lộc, một quan Tham Tá ở Hà Nội và cũng là bạn thời thơ ấu của Mai. Sau đó, dù hết lòng yêu quý chồng, ngay trong lúc bụng mang dạ chửa cô cũng bỏ ra đi trong hoàn cảnh không một xu dính túi. Vì sao? Không muốn để cho bà Án, mẹ của Lộc, xúc phạm hơn nữa tới danh dự gia đình nhà mình.

Ngay khi cụ Tú vừa mới mất, cảnh nhà sa sút, thà phải bán ngôi nhà ở Thạch Lôi, chứ không chịu nhờ vả họ hàng, để ra Làng Bưởi Hà Nội thuê một căn nhà lá cho Huy, em trai của cô Mai được ở gần trường học. Huy tính thôi học, kiếm việc làm, có tiền giúp chị nhưng trước sau Cô Mai đều gạt đi. Trong *Nửa Chừng Xuân*, cô Mai là người tốt và những người cô gặp cũng đều tốt: Người cha

tốt, người em ngoan, người lão bộc vui buồn theo nỗi vui buồn của cô tiểu chủ, người bà con là ông bà Phán ở phố Huế cũng sẵn lòng giúp đỡ, bà Cán vui lòng nhường cả gánh quà bánh để bán trước cổng trường Bưởi, bác sĩ Minh ân cần săn sóc thuốc men cho Huy mà không lấy tiền, họa sĩ Bạch Hải bị Mai khước từ tình yêu, vì đời Mai chỉ yêu có một người. Khi gặp Lộc, họa sĩ Bạch Hải thành thật nói tốt về Mai. Vây quanh cô Mai chỉ vài người xấu: Hàn Thanh, bà Án, và Lộc. Nhưng dưới ngòi bút của Khái Hưng, ngay cả những con người xấu nhất trong truyện cũng được ông nường tay: Lộc nhờ người giả làm mẹ mình đến hỏi cưới Mai vì quá yêu Mai và biết chắc rằng bà Án, mẹ của Lộc, chẳng bao giờ chấp thuận một cuộc hôn nhân không “môn đăng hộ đối”.

Lộc còn biết sợ chị em Mai khinh mình nên đã về nhà nói hết cho bà Án biết. Lộc không đòi bắt con về theo như ý mẹ anh muốn. Sau cùng, Lộc xin Mai tha thứ và sẵn sàng bỏ công danh sự nghiệp, bỏ cả vợ là con gái cụ Tuần. Bà Án, nguyên nhân của bi kịch Nửa Chừng Xuân và Đoạn Tuyệt, nhiều lần dùng “kế ly gián” khiến cho cả Lộc lẫn Mai đều hiểu lầm và nghi ngờ nhau, cũng được tác giả coi như là nạn nhân của những tập quán cổ truyền mà việc bảo vệ gia phong là hệ trọng. Bà Án muốn bắt cóc Ái, con của Mai và Lộc, cũng chỉ vì muốn có cháu nối dõi tông đường.

Tình yêu của hai người, ở cuối cuốn sách, trở nên lý tưởng cao thượng: Lộc say sưa với những công việc xã hội. Mai bằng lòng ở vậy dù tuổi đang độ Nửa Chừng Xuân và vẫn yêu anh Lộc tha thiết... Cô Mai thân yêu, người đọc thuộc giới bạn gái có học bây giờ khó có ai khóc theo từng trang sách Nửa Chừng Xuân, thương cảm theo từng bước chân thăng trầm của cô và cô Loan như thời tôi mới lớn. Thời mà ngay trong các thành phố vẫn nhiều nhà không muốn cho con gái đi học sợ biết chữ rồi sẽ viết thư cho trai. Đánh răng trắng, uốn tóc, mặc áo dài Lơ-muya của họa sĩ Cát Tường, đã trở thành cô “gái tân thời”, còn xa lạ với đám đông. Con trai ở nhiều vùng quanh Hà Nội còn rụt rè khi phải cắt tóc ngắn. Những hủ tục của bao đời phong kiến lạc hậu, tới thập niên 30, không chỉ ở trong lũy tre xanh mà còn tung hoành mọi ngõ ngách ngoài thành phố. Nơi nào thì vai trò của chị em bạn gái chúng ta cũng bị xem thường bởi quan niệm trọng nam, khinh nữ. Càng bị khinh hơn nữa nếu là con gái nhà nghèo. Thân phận người đàn bà suốt đời lệ thuộc, phục tùng đàn ông: Cha, chồng và con trai, tùy theo lúc còn ở nhà, đi lấy chồng hay khi chồng chết.

Văn học Tự Lực Văn Đoàn, thời Pháp thuộc, cuốn hút thanh niên nam nữ vào vòng say mê không phải với mục đích cốt chứng tỏ tài năng văn chương, thi ca của các nhà văn và nhà thơ cộng tác, cũng không đeo đuổi sự thách

đó làm sao cho sách bán chạy bằng những tác phẩm lãng mạn, mua vui. Văn học Tự Lực Văn Đoàn chính là cơn bão táp dạn dày, từ tốn quét dần những rác rưởi vây quanh đời người phụ nữ Việt Nam, giúp cho họ nhận ra và đòi lại quyền làm người bình đẳng. Văn học Tự Lực Văn Đoàn chính là cơn sóng ngầm, lặng lẽ dưới mặt nước xã hội êm ả, bất ngờ hất tung lên sức mạnh của lòng ái quốc, làm chòng chành hoặc lật úp những cơn thuyền cầu an, mà trên đó bao thế hệ thanh niên bị ru ngủ bởi trường Bảo Hộ và trường Hậu Bỏ, sống nô lệ: Cố học thành tài để ra làm quan, làm tay sai cho giặc.

Người nữ trong văn chương Khái Hưng, cô Mai, tiêu biểu cho một lực lượng yếu thế vùng đứng dậy, sống tự lập với những phẩm chất tốt đẹp của con người nói chung, nam hay nữ cũng là người như nhau. Qua Nửa Chừng Xuân, người nữ sống thành kiến, hẹp hòi và cố chấp chỉ có mình bà Án, điển hình cho nếp sống cũ. Những người nữ nhân hậu, đảm đang, ngoài cô Mai ra, còn có cô Diên, chị Trọng, bà Cán.

Cuộc tranh chấp trong Nửa Chừng Xuân không chỉ giữa mới với cũ mà cao hơn thế: Giữa đúng với sai, tốt và xấu, thiện và ác, ích kỷ và vị tha, sự thật và dối trá. Mai chống lại việc một người đàn bà phải đi làm lẽ, ngay trong lòng một xã hội phụ quyền và đa thê, mà biết bao người phụ nữ khác cũng đồng ý “tài trai năm thê bảy thiếp”. Trước

sau cô vẫn nói với bà Án: “*Bẩm bà Lớn, nhà con không có mả đi lấy lễ*”. Huy ghét Lộc vì Lộc nhờ người giả làm bà Án để lừa dối Mai. Mai đã khiến cho Lộc nhận ra trách nhiệm của một người có học đối với đất nước, đối với nhân quần xã hội. Một người thanh niên mất nước không thể sống chỉ biết có thân mình, gia đình mình. Nếu không, bao vốn liếng học thức cũng chỉ trở thành những phương tiện tốt nhất trong việc mưu cầu địa vị, áo cơm. Huống hồ càng cao địa vị trên đường hợp tác với Tây, càng nặng tội phản dân, hại nước.

Dũng hay Lộc, Nhất Linh hay Khái Hưng? Nhân vật tiểu thuyết hay tiểu thuyết gia? Sách vở hay cuộc đời? Cô Mai và cô Loan ạ, tôi chưa thấy có sự tách biệt nào cả. Tất cả đều trộn vào nhau, trong một giai đoạn lịch sử từ trong bóng tối lần ra ánh sáng, thành loại văn học mở mang dân trí. Khi đất nước được sống trong tự chủ và hòa bình, dân tộc ta có thể sẽ đòi hỏi một dòng văn học khác, không giống như dòng văn học mà Tự Lực Văn Đoàn đã thể hiện. Cô Mai và cô Loan chắc sẽ buồn nếu biết chuyện này: Giờ đây, 60 năm sau ngày Tự Lực Văn Đoàn ra đời, có một số nhà phê bình văn học, chuyên nghiệp hoặc tài tử, lại có ý tiếc rằng văn chương Tự Lực Văn Đoàn hiền lành, dung dị quá và tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết lý tưởng là những chiếc khung, chiếc lồng chật hẹp khiến các nhà văn không thả sức tung hoành được.

Nhưng từ thập niên 50 tới nay, 40 năm qua, nhiều trường phái văn học ra đời ở nước ta với mọi khuynh hướng, trào lưu... Nếu thành công cũng chỉ có thể thành công trong địa hạt sáng tạo và thưởng ngoạn hoặc đánh dấu những khúc quanh trong văn học sử. Văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa kiểu “cách mạng”, trên thực tế, không những làm triệt tiêu tài năng sáng tạo mà còn làm cho nhà văn và người đọc chìm đắm trong chính sách ngu dân. Phần khác, chỉ là bản sao vụng về của văn học phương Tây. Cuối cùng, những dòng văn học nêu trên không thuyết phục được cảm quan bén nhạy của người đọc. Chúng phải dùng đến sự cưỡng bách chính trị hoặc tha hóa để có đám đông người đọc nhất thời.

Trong mấy chục năm qua, nhà văn Việt Nam nào là nhà văn của thanh niên nam nữ trí thức? Nhóm văn nghệ sĩ nào được thanh niên nam nữ trí thức say mê? Ngoài Bắc, họ phải đọc nhiều nhất Ruồi Trâu và Thép Đã Tôi Thế Đây. Trong Nam, họ đọc nhiều nhất Hải Âu Phi Xứ với Tiểu Ngạo Giang Hồ. Nội dung những cuốn sách như thế chuyên chở cái gì, hướng về đâu? Văn học suy đồi, đất nước ắt phải suy vong, nếu không thế, đấy mới là điều chúng ta đáng ngạc nhiên, cô Mai và cô Loan nghĩ có đúng không?

Ngay từ khi nhận tờ Phong Hóa do Phạm Hữu Ninh giao lại, năm 1932, với tư cách là Giám đốc kiêm Quản lý,

Nhất Linh đã tính tới việc tập hợp một số nhà văn, nhà thơ cùng chí hướng: Chống phong kiến, chống thực dân, phổ biến những quan niệm nhân quyền và dân quyền, trình bày những quan niệm về tiến bộ cá nhân, gia đình và xã hội, đặc biệt là khơi dậy lòng yêu nước của người mình. Năm 1936, Phong Hóa bị đóng cửa, tờ Ngày Nay do Nguyễn Tường Cẩm điều khiển lại nhanh chóng ra đời, tờ nào cũng đông bạn đọc khiến cho thực dân Pháp lo sợ trước tầm ảnh hưởng ngày càng lan rộng của Tự lực Văn Đoàn. Nên tới năm 1939 thực dân Pháp lại ra lệnh cho đóng cửa nốt tờ Ngày Nay.

Tám năm, hai tờ báo, một nhóm người mà âm vang của lòng yêu nước và yêu tiếng mẹ đẻ tới ngày nay chưa tắt. Mất nước vừa nhục vừa khổ, viết văn làm báo bảo nhau đòi quyền làm người, bằng tiếng nói trong sáng dễ hiểu, văn học vì thế mà có sức mạnh. Việc ấy vô cùng tai hại cho giặc và cũng thật mỉa mai cho ta, khi hai miền đất nước, thời chia cắt, đều về tay người mình cai trị thì ở ngoài Bắc, tuyệt đối, không một tờ báo hay giai phẩm nào của tư nhân được xuất bản. Còn trong Nam? Nhất Linh không được cấp giấy phép ra báo! Ngày 17 tháng 6 năm 1958, tờ Văn Hóa Ngày Nay số 1 ra đời dưới hình thức “Giai phẩm”, một loại báo không chính thức, cơ quan kiểm duyệt bằng lòng số nào, số ấy mới được in. Chưa đầy một năm sau, ngày 11 tháng 5 năm 1959, Giai phẩm

Văn Hóa Ngày Nay bị đình bản, Nhất Linh viết truyện Cô Mùi dang dở cũng dở dang luôn. Cô Mùi của Nhất Linh nằm trong bộ trường giang tiểu thuyết Xóm Cầu Mới, gồm Người Chiến Sĩ, Nhà Mẹ Lê, Kẻ Sát Nhân, Cậu Ấm và Ông Năm Bụng... Từ cô Loan của Đoàn Tuyết, gái tân thời ở phố Hàng Chiếu Hà Nội đến cô Mùi của Xóm Cầu Mới, gái phố Huyện Cẩm Giàng Hải Dương, là khoảng thời gian tan tác, mất mát của Tự Lực văn Đoàn. Mất Thạch Lam, Hoàng Đạo, Khái Hưng, những người khác như Tú Mỡ, Thế Lữ, Xuân Diệu ra đi khỏi Tự Lực văn Đoàn cho tới lúc họ chết hẳn. Bên cạnh Nhất Linh, sau năm 1954 ở miền Nam, chỉ còn mỗi một tay cự phách của Tự Lực văn Đoàn xưa, Nguyễn Gia Trí, nhưng ông là người chỉ cầm cọ, không cầm bút. Nhất Linh không cô độc nhưng ông cô đơn. Những người tiếp tay ông sau này đều đã chia sẻ cùng ông những khó khăn về cả hai mặt, khách cũng như chủ quan, trong việc sáng lập nhà xuất bản Phượng Giang, làm giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay, củng cố lại Tự Lực văn Đoàn. Chủ quan: Miền Nam có nhiều nhà văn tài hoa nhưng lại ít người cầm bút có ý thức mạnh mẽ về mối tương quan văn hóa chính trị trong xã hội. Khách quan: Cùng lúc phải đương đầu, trên trận tuyến văn hóa, văn học, với hai chế độ độc tài trên cùng trên một đất nước, bên nào cũng do người Việt nắm quyền mà phía nào cũng không thấy được tầm quan trọng sinh tử của văn hóa, văn

học Quốc gia Dân tộc. Trong bối cảnh đó, Cô Mùi lạc lõng với chính mình cùng những kỷ niệm ngày xưa nơi một phố huyện miền Bắc.

Cô Mùi là quá khứ xa của hiện tại cuối thập niên 50. Người Quay Tơ là quá khứ của quá khứ, có mặt từ năm 1927, ngày nay càng không gây được ấn tượng gì trong lòng người đọc.

Nhưng cô Loan là chính hiện tại của thời cô, thập niên 30, cô nghĩ, nói và làm thay cho bao người cùng thế hệ với cô và cùng họ hướng đến tương lai. Vì thế, cô Loan ạ, cô là hiện thân của những niềm mơ ước, hy vọng của chị em bạn gái chúng tôi ngày trước. Người mà ngày đó đa số bạn gái mong muốn gặp được ở ngoài đời thì cô Loan trong sách vở đã gặp. Dũng, một thanh niên có học thức, tâm hồn phóng khoáng, thích đời sống tự lập và sẵn sàng bỏ nhà đi làm cách mạng. Trước hết, chúng tôi thích thú là vì người thiếu nữ trong Đoàn Tuyết được đi học... Trong sâu thẳm của tâm hồn bạn gái chúng tôi, một phần nào ảnh hưởng xa gần của nền văn học tự do Pháp, nhưng phần lớn chúng tôi hãnh diện về những nhân vật lịch sử xa như Bà Trưng, Bà Triệu, những nhân vật lịch sử gần như cô Giang, cô Bắc.

Hàng ngày, chúng tôi chỉ biết đau lòng, xấu hổ và tức giận trước những cảnh chà đạp, hành hạ phụ nữ, chồng chúa vợ tôi cùng các tấm thảm kịch mẹ chồng danh ác,

cay nghiệt. Giới phụ nữ chúng tôi trong xã hội yếu đuối càng thêm nhu nhược vì tối tăm, tối tăm vì không được đi học. Các bạn gái thời này không cách nào hình dung nổi cảnh “cha mẹ đặt đâu con ngồi đó”, bất công, tàn nhẫn và vô lý tới chừng nào, cô Loan phải lấy Thân, con trai bà Phán Lợi, để mẹ cô trừ một món nợ cũ. Dù Thân là một thanh niên nhu nhược, thô lỗ và ít học nhưng Thân còn là một con người.

Nhiều trường hợp khác, các cô gái còn phải lấy những kẻ bất thành nhân dạng, tàn tật tâm hồn vì cha mẹ đã gả bán, chống lại là bất hiếu. Người phụ nữ, một con người, chỉ coi như món hàng hóa, món đồ vật đắt hay rẻ để người ta trao đổi với nhau vì nhu cầu kinh tế, thuận mua vừa bán. Khi bị chồng bạc đãi, đuổi đi thì pháp luật không bảo vệ mà dư luận còn chê cười, nhục mạ.

Trong Nửa Chừng Xuân, bà Án đã bảo thẳng cô Mai: *“Này cô phải biết. Con đường tương lai của thằng Lộc còn dài. Thế nào nó cũng xuất chính nay mai. Tôi hỏi con quan Tuần tỉnh kia là người có thể lực cho nó, là tôi đã xét kỹ lắm. Quan Tuần còn trẻ, bước hoạn đồ còn dài, sau này con tôi tất nương tựa vào bố vợ, mới mong chóng thăng quan tiến chức được. Nếu trái lại, tôi để nó tự kết hôn với cô, thì không những nó mất chỗ nương tựa, mà nó còn bị mang tiếng chơi bời bậy bạ, lấy người không xứng đáng, tránh sao được nốt xấu trong lý lịch.”*

Qua Nửa Chừng Xuân, chúng tôi vẫn thương hại bà Án, nếu bà được đi học, dù chỉ học một môn lịch sử thôi, bà sẽ hiểu “con đường tương lai còn dài” của anh Lộc khi “xuất chính” là thế nào và “nuơng tựa vào bố vợ” để không có “nốt xấu trong lý lịch” là thế nào.

Chính những người như cô Mai và cô Loan đã nói lên ý nghĩ thay chúng tôi, hai cô đã làm giùm chúng tôi những điều chúng tôi không làm nổi ở ngoài đời.

Đoạn Tuyệt, không phải như một số người nhận định, chỉ là biểu tượng của cái mới chống cái cũ, của chủ nghĩa cá nhân chống chủ nghĩa tập thể hoặc chế độ gia trưởng đại gia đình, mà nó còn thể hiện bao khát vọng của nam nữ thanh niên thời đó: Sống tự lập để tranh đấu cho nền độc lập của đất nước. Qua Đoạn Tuyệt, chúng tôi cũng vẫn thương hại bà Phán đã nhờ lão thầy bùa ở Ô Cầu Giấy chữa bệnh cho cháu nội mình bằng tàn nhang, nước thải chỉ vì bà thiếu kiến thức y học phổ thông.

Những người như thế lại là những người nắm quyền hành độc đoán bên trong gia đình, quyết định số phận cho từng thành viên một của gia đình. Bên ngoài xã hội mà người cầm đầu vừa chuyên chính vừa thất học hoặc ít học thì chắc chắn đất nước phải triền miên loạn lạc, dân tộc kéo dài lâm than. Qua lời bà Án nói với cô Mai đã vẽ lên một phần bức tranh xã hội triều Nguyễn thuộc Tây. Nhưng trong gia đình mà cô Loan còn biết nghĩ thầm:

“Học thức mình không kém Dũng, sao lại không thể như Dũng, sống một đời tự lập, cường tráng, can chi cứ quanh quẩn trong vòng gia đình yếu ớt, sống một đời nương dựa vào người khác để quanh năm phải kinh dịch với một sự cổ hủ mà học thức của mình bắt mình ghét bỏ. Mình phải tạo ra một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của mình.”

Tự Lực văn Đoàn không có tuyên ngôn, nhưng nếu cần, tôi nghĩ đoạn văn trên đây là tuyên ngôn của tinh thần tự lực. Vậy thì ở ngoài xã hội, những người trí thức, những người học thức nói chung và giới văn nghệ sĩ nói riêng, ngày hôm nay, tại sao phần lớn không nghĩ tới việc *“tạo ra một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của mình”* mà cứ phải *“quanh năm phải kinh dịch với một sự cổ hủ mà học thức của mình bắt mình ghét bỏ”* nhất là thứ hủ tục độc tài, độc đảng, chuyên quyền và bạo lực?

“Tạo ra một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của mình” chính là khái niệm cách mạng, thay đổi một hoàn cảnh hiện có cùng những quan niệm cũ về cuộc sống và con người, về đất nước và dân tộc. Thế hệ thanh niên nam nữ thời Tự Lực Văn Đoàn, kể cả các nhà văn, nhà thơ, nhà báo lẫn các bạn đọc, trước hết đã phá vỡ thứ nhà tù tư tưởng gần hết thập niên 30. Tiếp đó, từ Ngày Nay, không những chỉ là cơ quan ngôn luận của Tự Lực văn Đoàn mà còn là tiếng nói chung của thanh niên, của nhiều người yêu nước. Tiếng nói ấy bị dập tắt năm 1939, năm khởi đầu

thế chiến lần thứ hai, tình hình trong và ngoài nước sôi động những biến chuyển chính trị và kinh tế. Hoàn cảnh mới đã đến, Nhất Linh, Khái Hưng và các nhà văn khác trong nhóm khi cầm bút thì hành động của họ có tên là Tự Lực Văn Đoàn, tới lúc này tất cả hầu như đều buông bút để cầm súng, thì hành động của họ lại có tên là Đại Việt Dân Chính thoát thai từ đảng Hưng Việt do Nhất Linh thành lập năm 1938.

Cùng với toàn dân, họ muốn nhanh chóng tìm đường chuyển ngôi nhà Việt Nam, ra khỏi bóng tối của nô lệ, nghèo đói và dốt nát, như họ đã khởi công xây dựng tập đoàn Ánh Sáng để làm nên những ngôi nhà thoáng mát, rẻ tiền cho giới bình dân ở khu Bãi Phúc Xá Hà Nội năm 1937. Sau này, năm 1958, tờ giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay bị đóng cửa, mất gần hết những người bạn chiến đấu xưa, Nhất Linh vẫn như năm 1939, lại ngưng bút và vấp lao vào cuộc chiến chống độc tài, áp bức. Cuối cùng, việc không thành. Nhất Linh không chấp nhận trát tòa và cả chế độ gia đình trị, ông uống thuốc độc và mất tại nhà riêng đêm 7 tháng 7 năm 1963, thọ 58 tuổi. Như một nhà tiên tri, qua lá thư tuyệt mệnh, viết rất ngắn, ông đã thấy trước số phận của nước ta:

“Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xét xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội các phần tử đối lập (cấp) quốc gia là một tội nặng nề sẽ làm cho nước về tay cộng sản. Tôi

chống đối sự đó và tự hủy mình để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.”

Như cô Mai và Loan đã biết, các thành viên của Tự Lực Văn Đoàn, thời Pháp không “xuất chính” theo cách nói của bà Án, không “tham chính”, hoặc “làm chính trị” theo cách nói của thời này. Việc họ đã thành lập đảng Hưng Việt (1938), Đại Việt Dân Chính (1939) và Mặt Trận Quốc Dân Đoàn Kết (1960), đối với họ, những hình thức tập hợp này chẳng qua cũng chỉ cốt cho đất nước được sớm tự do, dân chủ, hỗ trợ cho công cuộc xây dựng văn hóa Dân tộc và Nhân bản.

Cô Mai và cô Loan ạ, theo chỗ tôi được một cách chắc chắn là: Các thành viên của Tự Lực Văn Đoàn lớp trước, nhất là Nguyễn Gia Trí và Nhất Linh, đều hiểu rằng: Bất cứ một lực lượng chính trị, quân sự và kinh tế nào ở nước ta, nếu không có quốc tế hậu thuẫn sẽ dẫn tới thất bại.

Nhưng quốc tế là ai? Nếu không phải là thực dân Pháp, phát xít Nhật, cộng sản Nga và Tàu thì cũng là tư bản Mỹ đã nhúng vào Việt nam, thông qua những chân tay của chúng. Nhưng tinh thần Tự Lực mà các văn nghệ sĩ, nuôi dưỡng từ thời còn đi học, từng gửi gắm vào văn chương, toát ra ngoài cuộc sống khiến họ không thể nào làm khác hơn được. Nhiều người bảo họ không biết “làm chính trị” hoặc “chính trị tay mơ” cũng là vì thế. Nhưng họ bày tỏ một thái độ chính trị hết sức mạnh mẽ: Quốc gia Dân tộc!

Cho đến lúc mất, mỗi người trong họ, vẫn nguyên vẹn là người nghệ sĩ lớn lao, không chỉ vì sự nghiệp mà còn vì suốt đời phục vụ quê hương, sáng ngời tấm gương Tự Lực. Chẳng phải riêng thời cô Loan mới có cảnh con cái không được bày tỏ ý nghĩ của mình, với cha mẹ, mà ngày nay vẫn còn đâu đó, một số không nhỏ các bậc sinh thành không chấp nhận cho con cháu được có ý nghĩ khác với họ, từ việc học hành đến chuyện hướng nghiệp. Nhiều người vẫn còn quan niệm hễ “con cãi cha mẹ” là “trăm đường con hư”, họ sống ở thời này với một tâm hồn tựa như bà Hai, mẹ của cô Loan, ở phố Hàng Chiếu Hà Nội trong những năm 30.

Những ai giống hệt bà Hai không bao giờ hài lòng với câu nói sau đây của cô Loan: *“Thưa thầy mẹ, thầy mẹ cho con đi học, thầy mẹ không cư xử với con như con vô học được nữa. Không phải con kiêu ngạo gì, đó là một sự dĩ nhiên. Lỗi ấy không ở con. Phân biệt phải trái với bố mẹ không phải là bất hiếu như con tưởng.”*

Tinh thần gia trưởng ấy, ngày nay còn tệ hại hơn nhiều, nó vượt ra khỏi ngưỡng cửa mỗi nhà để trở thành tâm vóc quốc gia. Toàn dân được xem như con cái không được có ý nghĩ khác với cha mẹ là nhà cầm quyền.

Gia phong xưa theo lối bà Án, bà Hai, bà Phán Lợi ở Ấp Thái Hà nay đã trở thành kỷ cương, giềng mối mới của quốc gia. Không một thành phần nào, không một thành

viên nào của đại gia đình dân tộc Việt Nam được quyền, được phép suy nghĩ khác với các bậc “phụ mẫu chi dân” của thời hiện đại.

Cô Loan, sau khi bà Hai chết đi cùng với tư tưởng chuyên quyền của bà, đã thành công trong cuộc cách mạng gia đình của chính cô. Cái khó khăn lớn lao của cô Loan là phải đối kháng với chính người mẹ thân yêu của mình. Nhưng chúng ta ngày nay vẫn chưa thành công trong cuộc cách mạng xã hội mặc dù cái dễ dàng to tát của chúng ta là chiến đấu với bè đảng nắm quyền mà chúng ta không bao giờ cho phép chúng là cha mẹ của toàn dân cả. Hướng đến một xã hội dân chủ nhưng nhân dân không cần dây tở, vì mọi người đều làm chủ đất nước. Nhân dân cũng không cần ai lãnh đạo, chính toàn dân tự lãnh đạo mình, thông qua hiến pháp dân chủ và các đại biểu thi hành theo nhiệm kỳ dân cử.

Việc lựa chọn một tư tưởng chỉ đạo cho cả quốc gia là việc vô cùng hệ trọng, ảnh hưởng đến sinh mệnh dân tộc, không thể để mặc cho một người hay nhóm người, kết thành bè đảng, áp đặt và thao túng!

Cô Loan ạ, chúng tôi đôi khi có thể tạm chấp nhận vì thông cảm cho Thân, một người nhu nhược, mặt khác cũng chỉ vì anh muốn giữ chữ hiếu theo quan niệm xưa, khi Thân không dám chọn cuộc đời tự lập và đã nói với cô: “Tôi đã bảo vợ đừng nhắc đến nữa. Thầy mẹ không

cho phép. Không những thế, mẹ lại còn giận mẹ nữa đây, mẹ giận lắm.” Chúng tôi nghĩ ngợi nhiều về hai câu đối thoại ngắn sau đây:

- Giận về cố gì cậu?

- Cố mẹ tự tiện...

Ngày nay ở trong nước ta, ngay cả các bậc thức giả, các văn nghệ sĩ, các nhà trí thức, bác học cũng không được “tự tiện” hay “tùy tiện” suy nghĩ theo ý mình nếu đảng và nhà nước “không cho phép”.

Cô Loan thân mến, tôi tin rằng gần như toàn dân Việt Nam, nhất là giới trí thức, trong và ngoài nước, cũng “không cho phép” ai được quyền “không cho phép” giới trí thức tự lực tìm kiếm một giải pháp cánh sinh cho dân tộc. Không có đất nước độc lập khi dân tộc còn nô lệ tư tưởng! Dân tộc còn nô lệ tư tưởng khi mà giới trí thức, bao gồm các nhà chuyên môn mọi ngành, còn tin tưởng và phó mặc việc đảm đương đất nước cho các nhà chính trị mà những người này phần lớn, ngay cả khoa chính trị học, họ cũng không chuyên môn. Họ chỉ chuyên môn ra lệnh thôi! Khi người cầm quyền chính trị mang cái sở đoản của mình ra để lãnh đạo chỉ huy các ngành chuyên môn vốn là sở trường của giới trí thức liên hệ thì điều gì sẽ xảy ra? Đó là tấn bi hài kịch trong đó bọn dốt nát lại cầm đầu những người dốt dang. Bà Phan Lợi không biết gì về y khoa nên bùa chú cùng tàn nhang nước thải đã giúp

bà giết chết ngay đứa cháu nội thân yêu của bà. Tích cực cộng với sự ngu dốt thành ra phá hoại, thành ra giết người. Cả nước chúng ta không lẽ cam chịu mãi một số phận như thằng cháu trai, con của cô Loan? Giữa tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn thời xưa và cuộc đời thực hôm nay nào có chi khác nhau? Sách vở như thế thường trở thành những tấm gương in hình đời sống đồng thời phản ánh tâm hồn của những người làm gương. Những tấm gương được làm ra bởi lòng yêu nước, soi rọi hình ảnh ngôi nhà Ánh Sáng cùng các áng văn chương trong sáng là hai đặc tính nổi bật nhất của Tự Lực Văn Đoàn thời cô Mai và cô Loan đang nổi tiếng như sóng cồn.

Cô Mai và cô Loan thân mến,
 Trước khi dừng bút, tôi mong rằng: Đất nước ta không còn những tâm hồn yếu đuối như Thân và tinh thần tự lực nơi mỗi người, sẽ trở thành sức mạnh chung, giúp chúng tôi quét sạch cái chế độ thối làm gia trưởng của toàn dân. Chế độ ấy càng tồn tại, càng làm khổ dân mình. Chúng tôi không muốn cứ phải ngâm mãi câu thơ sau đây của Trần Tế Xương: “Sách vở ích gì cho buổi ấy, văn chương rồi cũng thế mà thôi!”

Như một con người, mỗi cuốn sách cần phần tươi tốt của nội dung tức là vẻ đẹp tâm hồn bên cạnh vẻ đẹp của thể chất là giọng văn và cách kể chuyện. Sáu mươi năm sau ngày Nhất Linh viết ra những câu văn sau đây, giờ

đọc lại, cô Loan và cô Mai ạ, chúng tôi còn thấy được nét đẹp của quê hương, nhất là mỗi khi xa nhà:

“Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm, như một giấc mộng: Máy cây thông ở đầu hiên nhà đứng đợi gió... Ngoài kia ánh nắng vàng của buổi chiều như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn lảng vảng trên các ngọn đồi, chòm cây, lướt thướt trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn quê rải rác dưới chân đồi, hay bên bờ con sông trắng cong queo như bị đè nén dưới vẻ to tát của trời đất rộng rãi. Khói thổi cơm chiều ở một vài nhà gần không có sức lên cao nữa, tỏa ra thành từng đám mây màu lam ôm ấp lấy các mái nhà tranh.”

Thấy đẹp và thấy nhớ. Nhớ những người tốt đẹp. Nhớ cô Mai. Nhớ cô Loan. Nhớ quê hương thân yêu. Nhớ như anh Dũng nhớ cô Loan những ngày xa nhau, ngay cả lúc anh đang ngồi bên một người bạn chiến đấu :

“Tiếng nhạc ngựa ở đâu vắng tới, rộn và vui trong sự yên tĩnh của buổi chiều. Trước mặt hai người, về phía bên kia, ánh đèn nhà ai mới thấp, yếu ớt trong sương, trông như nỗi nhớ xa xôi đương mờ dần” ...

Chúc cô Mai và cô Loan sống mãi trong lòng người đọc.

NGÀY TỰ LỰC VĂN ĐOÀN
Paris, tháng 11 năm 1994.
Nhuận sắc tháng 2 . 2001.

NGUYỄN THỊ VINH

MỤC LỤC THƠ CÔI TẠM

nguyễn thị vinh

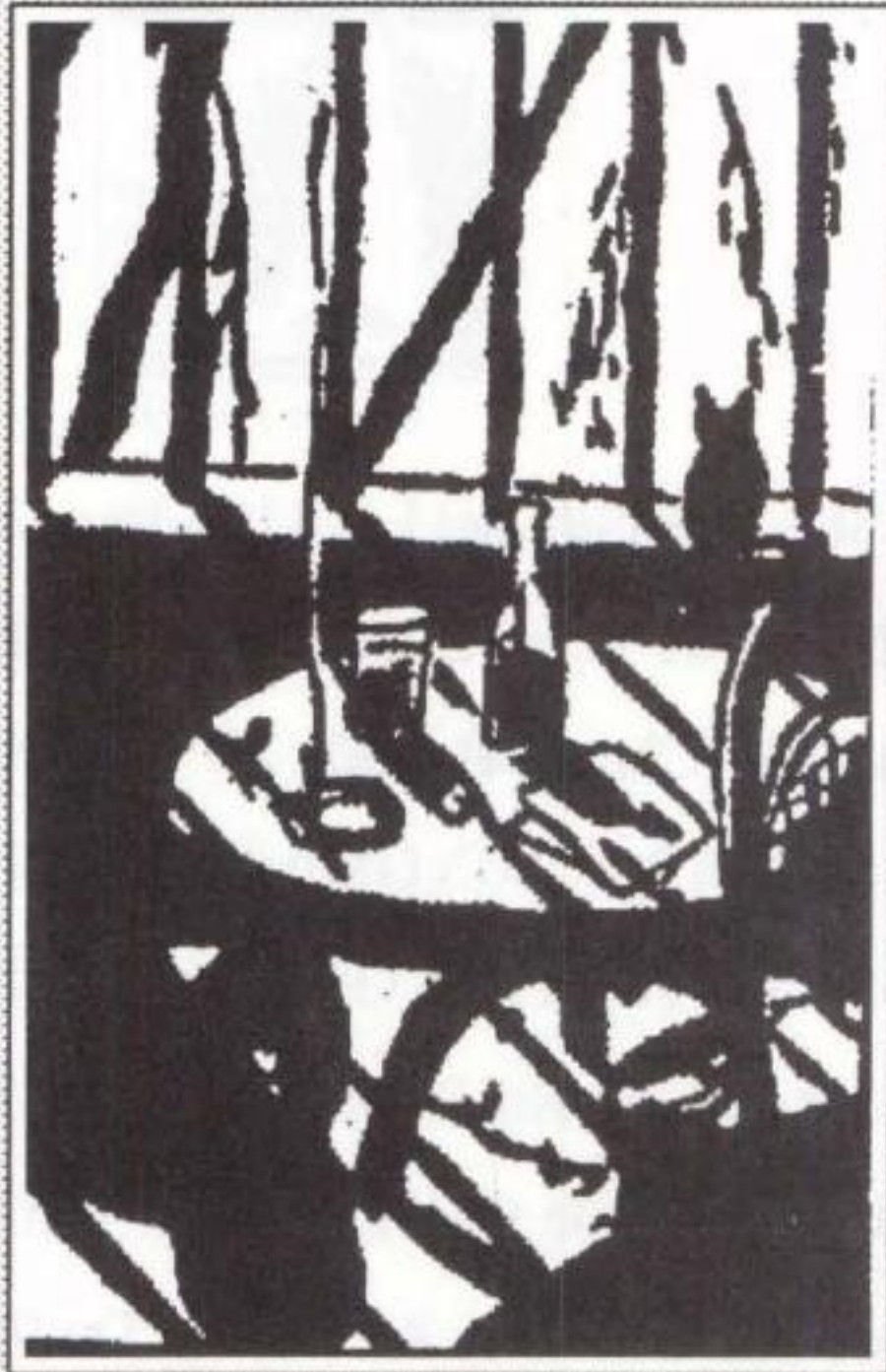


Anh Em Graphics.

Ánh Mất 56 \ **Bao** Giờ Vui Lại 112 \ **Bạn** Văn 66 \ Biafra 105 \
Chờ Đợi Mong 84 \ Con Đường Thương Khó 51 \ **Côi** Tạm 134
\ Công Án 118 \ Cùng Đất Nước 23 \ **Cửa** Không Cánh Cửa 129
Đà Lạt 115 \ **Đôi** Mất 60 \ **Giàu** Nghèo 84 \ Gió Cũ 115 \ Gió
Đông 115 \ Gió Tây 115 \ Gửi Các Em Thơ Việt Nam 123 \
Hoa Viên Xứ 65 \ Hà Nội Trong Tôi 125 \ Hô Khuya 115 \ Hôn
Trăng 113 \ Không Đề 90 \ **Lòng** Mẹ 113 \ **Lựa** Hà Đông 87 \
Mong Được Bát Cơm Đây 82 \ **Mộng** Du 95 \ **Nguồn** Sống 73 \
Nhà Phật 43 \ Nhân Văn 53 \ Nhớ Nhà 127 \ Nhớ Về Hà Nội
108 \ Những Mái Chùa Xưa 13 \ Phố **Bờ** Hồ & Phố Cầu Gỗ 85 \
Sao Mai 64 \ Say Tỉnh 98 \ Tạ Tội 70 \ Tân Hôn Lạ 121 \ Thanh
Ngọc 117 \ Thấp Hương 70 \ Thế Kỷ Chúng Ta 101 \ Thơ Đốt
Cho Anh 91 \ Thư Gửi Các Cháu 83 \ \ Thơ Tôi 23 \ Thơ về
Làng Bạn 122 \ Thư Nhà 58 \ Tiếng Thời Gian 88 \ Tình Khúc
24 \ Tình Mẹ 114 \ Tình Người 99 \ **Tuệ** Mai 64 \ Tự Đọc Thơ
Mình 62 \ Về Mái hiên Người 80 \ **Vui** Buồn 23 \ Xin Chớ Xa
Tôi 96 \ Y Bát 118.

NHÀ PHÁT HÀNH LÀNG VĂN ĐÃ GIỚI THIỆU THI PHẨM

ALBERTA / BERGEN/HOUSTON / OSLO



1999 & 2000



TRANH CỦA NHÀ VĂN KHAI HUNG / TRÍCH ĐOẠN.

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

DẤU BUỒN THƠ TRỐ BÔNG & MÀU SIM TRONG ĐẤT HỨA
Ý NGÀ

GÓP LỬA & LỤC BÁT ĐẤU TRANH & TRÁI ĐẮNG QUÊ NHÀ
NGUYỄN MẠNH AN DẪN
TIẾNG THÉT

NHÀ XUẤT BẢN ANH EM ẮN HÀNH CÁC TẬP TRUYỆN NGẮN

NGUYỄN THỊ VINH

ĐÃ IN

NA UY VẢ TÔI
NORGE OG JEG

SẼ IN

NỒI RIÊNG



ANH EM GRAPHICS

THO



NHÀ XUẤT BẢN ANH EM ĐANG VÀ SẼ IN CÁC TÁC PHẨM

2001 \ NGUYỄN HỮU NHẬT



TRĂNG LẠ KHÉ / TRANH CỦA NGUYỄN HỮU NHẬT / NA UY OSLO 2001

TIỂU THUYẾT / THIỀN
BỜ BÊN KIA
TRUYỆN NGẮN
CÂY NHÂN SINH
THƠ
KINH VIỆT NAM
THƠ TÌNH NA UY

LÊ PHONG SƠN

ĐÃ IN

THƯƠNG CÀ

THI PHẨM VIỆT ĐẦU TIÊN Ở THỤY ĐIỂN.

SẼ IN

GIÓ NÚI



ANH EM GRAPHICS.

CỐI TẠM / THƠ

NGUYỄN THỊ VINH



TRÌNH BÀY
NGUYỄN HỮU NHẬT

ANH EM XUẤT BẢN
TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN
ISBN 82-91587-18-3



LIÊN LẠC

NHÀ XUẤT BẢN ANH EM
HELGESENSGT 72 - 0563 OSLO NORWAY
TEL: 47 22 38 28 53

&

LÀNG VĂN P.O. BOX 218, STATION "U"
TORONTO, ONTARIO, M8Z-5P1 CANADA
TEL: (905) 607-8010 / FAX: (905) 607-8011
langvan@home.com

&

anhem01@frisurf.no

ẤN PHÍ MƯỜI TÁM MỸ KIM.

cõi tạm

thơ nguyên thị vinh

ISBN 82-91587-13-8



NGUYỄN THỊ VINH / PHÚ NHUẬN GIA ĐỊNH 01.1970.

Ng. thi Vinh

thơ gửi nàng thơ

ANH EM ITALY USA
NORWAY SWEDEN
CANADA FRANCE

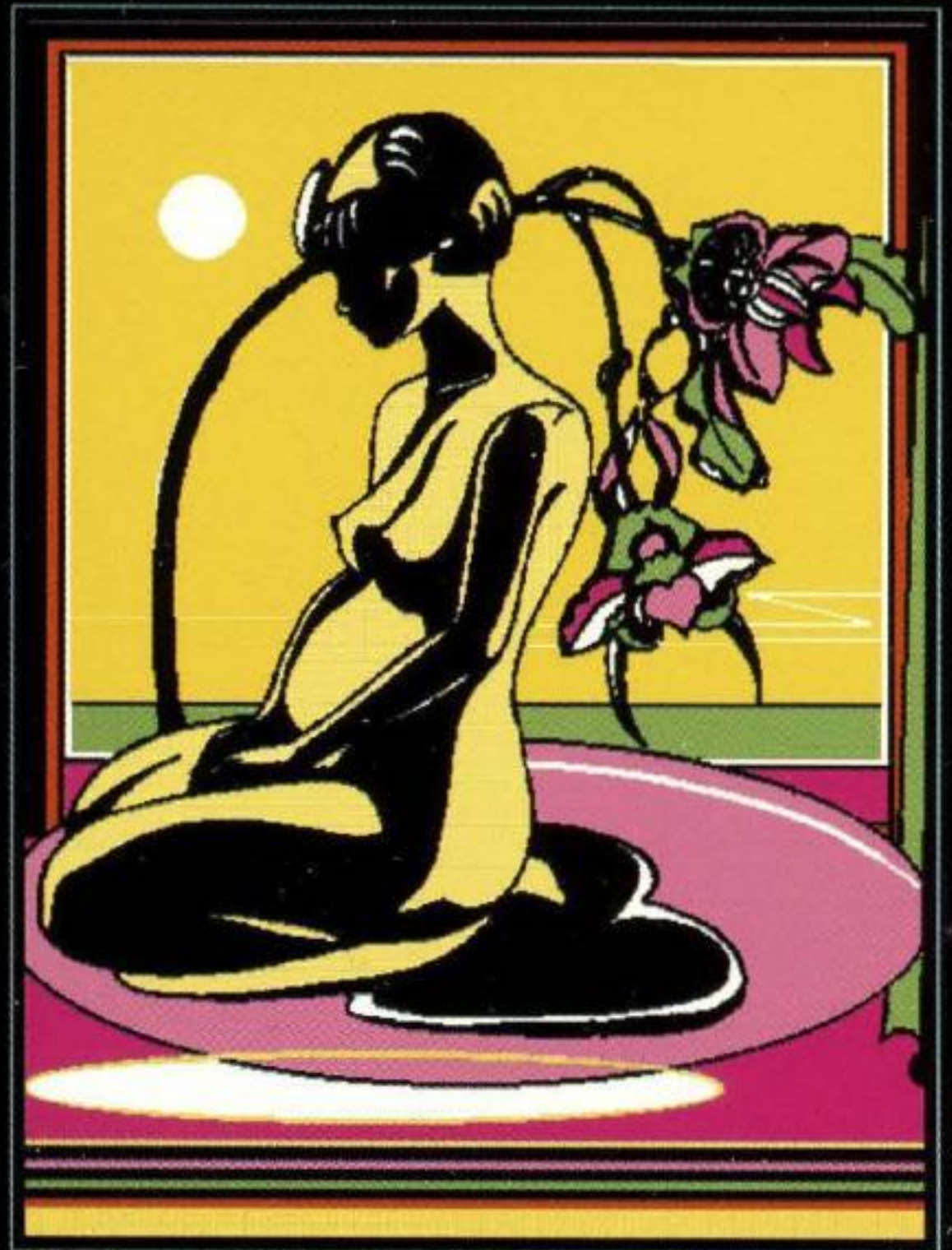
... Nếu thật chờ nhau mà hóa đá
thì xin thử đợi một lần xem
chỉ ngại khi tôi thành núi biếc
ngàn năm không thấy dấu chân em
Trông mắt em cười, tôi cảm thấy
lòng đứng dưng trước những vì sao
phải chi em đến thường như gió
đẩy cửa mang theo ánh trăng vào...♥

NGUYỄN HỮU NHẬT



NHÀ XUẤT BẢN ANH EM/THƠ
nguyễn thị vinh

cõi tạm



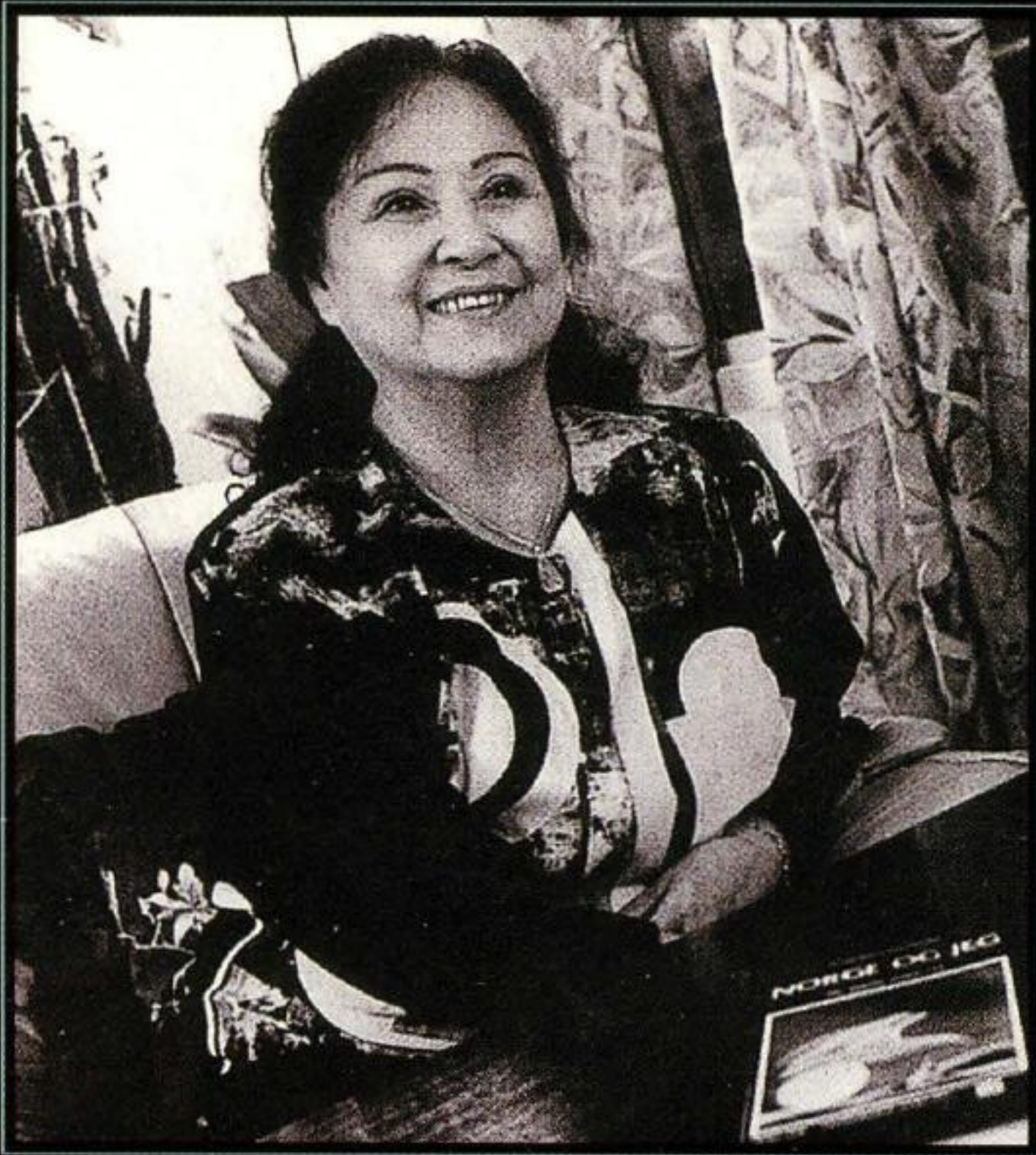
TÌNH MẸ / NHƯ CỎI VĨNH HẰNG / NHN 2001



ý thơ nào kết nụ
dưới ánh trăng quê nhà,
tình yêu nào nở hoa
quê người trong mưa tuyết?
xin trả lời: không biết
dâu quê người, quê nhà
trong khi tôi mãi viết
âm thầm như nụ hoa...

cõi tạm

NGUYỄN THỊ VINH



NGUYỄN THỊ VINH/ÁNH CỦA BÁO MOSAIKK 3.95.

Lòng trang trọng
với cuộc sống yên
vui, của nhiều
người, mới thật sự
là an nhiên; dân tộc
nương theo cái tạm
thời mà thành ra
đất nước trường
sinh... Nhất là cõi
tạm này, đất nước
ta, không thuộc của
riêng ai cả. Nó là

của chung, thứ kho

ANH EM

báu mà Tổ Tiên để
lại cho con cháu...

Ng. thị Vinh



ISBN 82-91587-18-3

PHƯƠNG GIANG
ĐÔNG PHƯƠNG.

